Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI LỚP 6
NĂM HỌC 2022 – 2023

A. MÔN NGỮ VĂN

Phần I: Văn bản

Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính	Ý nghĩa	Nghệ thuật

Phần II: Tiếng Việt

1. Thế nào là từ đơn, từ phức, từ ghép, từ láy? Cho ví dụ.
2. Ẩn dụ là gì? Có mấy kiểu ẩn dụ? Tác dụng? Cho ví dụ.
3. Thế nào là từ đồng âm, từ đa nghĩa, từ mượn, thành ngữ…? Cho ví dụ.
4. Thế nào là trạng ngữ, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ..? Cho ví dụ.

Phần III: Làm văn

HS tập trung ôn tập 2 kiểu bài: Tự sự và thuyết minh

- Kể lại một kỉ niệm/trải nghiệm của bản thân (Cần chú ý về thể loại,nội dung,ngôi kể,lời kể,nhân vật ,diễn biến sự việc…)
- Thuật lại một sự kiện (Cần chú ý đến việc sử dụng hình ảnh,câu trần thuật với trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn, thông tin thường được trình bày theo trật tự thời gian mối quan hệ nguyên nhân kết quả .Khi làm kiểu bài thuật lại sự kiện cần thuật lại theo trật tự thời gian và sắp xếp các thông tin về sự kiện xảy ra theo thứ tự từ trước đến sau từ mở đầu đến diễn biến và kết thúc…)
- GV tự cho HS đề và ôn luyện cho HS.

B.MÔN TIẾNG ANH

I- LÝ THUYẾT

◙ UNIT 1:

1. The present simple tense

*a. Form: * To be: is, am, are*

*** Normal verb**

(+) S + V(s, es)

Usage: - Diễn đạt một thói quen hoặc hành động lặp đi lặp lại trong hiện tại

- Chân lý, sự thật hiển nhiên
- Sở thích, ý muốn

b. Dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại đơn:

- Trạng từ chỉ tần suất: always, usually, often, sometimes, rarely, seldom, never.
- Các trạng từ chỉ thời gian: every + time (every day), today, nowadays, Sundays.

2. Adverbs of frequency: always, usually, often, sometimes, rarely, seldom, never.

Ex: I often walk to school.

◙ UNIT 2:

1. There is.... / there are.... (có)

2. Prepositions of place (các giới từ chỉ nơi chốn)

In front of, behind, between, opposite, near, on, in, under, …

3. Possessive cases:

Ex: Nam's house is small.

◙ UNIT 3:

1. Describe appearance with "be" (miêu tả hình dáng với "be")

Ex. He is tall and handsome.

Ex. They aren't fat.

2. Describe appearance with "have"(miêu tả hình dáng với "have")

Ex. She has an oval face.

Ex. He doesn't have a beard.

3. The present continuous tense

a. Form: (+) S + to be (am/ is/ are) + V-ing

b. Usage (cách dùng): Thì hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả 1 hành động đang xảy ra tại thời điểm nói.

c. Dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại tiếp diễn:

- Adverbs: now, at the moment, at present, right now
- Verbs: Look! Watch!/ Listen!/ Be (careful/ quiet)!
- Answer questions with "Where"

◙ UNIT 4:

I. Comparative (So sánh hơn)

1. short adj and long adjective:

** Tính từ ngắn (short adjective):* là tính từ có một âm tiết hoặc 2 âm tiết và kết thúc bằng Y.

Ex. good, small, hot, thin, happy, …

** Tính từ dài (long adjective):* là tính từ có từ hai âm tiết trở lên.

Ex. expensive, skillful, beautiful,….

a. Comparative with short adjective:

S1 + be (is/ am/ are) + short adj-er + than + S2

Ex. I'm taller than my brother.

b. Comparative with long adjective:

S1 + be (is/ am / are) + more + long adj + than + S2

Ex. This dress is more expensive than my dress.

* *Note:*- Tính từ có hai âm tiết kết thúc bằng "y" thì ta đổi "y" thành "i" rồi thêm "er".

Ex. happy - happier easy - easier

- Tính từ kết thúc bằng "e" thì chỉ thêm "r"

Ex. large - larger

- Nếu tính từ ngắn có một nguyên âm đứng giữa hai phụ âm thì gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm "er".

Ex. hot – hotter, thin - thinner.

- Một vài trường hợp là tính từ bất quy tắc:

adjective	**comparative**
good	better
bad	worse
little	less
many/ much	more
far	farther/ further

II. GIVING DIRECTIONS (Hỏi và trả lời về chỉ đường)

1. Asking the way:

- How do I get to ……..?

- Can/ Could you tell/ show me the way to ……..?

- Do you know where the …….. is?

- Where is …….?

2. *Giving the way (chỉ đường):*

- turn left/ right: rẽ trái/ phải.
- go straight: đi thẳng.
- go along…. : đi dọc theo.
- go pass: đi qua.
- cross: băng qua.
- It's around…: Nó ở xung quanh…..
- Take the first/ second turning on the left/ right: rẽ trái/ phải ở đường thứ nhất/ hai.
- It's next to….: Nó ở bên cạnh…..
- It's at the end of …… : Nó ở cuối…..
- It's opposite…… : Nó đối diện…..
- It's on your left/ right: Nó ở bên tay trái/ phải của bạn.
- Turn right at the crossroad: Rẽ phải ở ngã tư.

◙ UNIT 5:

1. Modal verb: must

- Động từ khuyết thiếu *must (phải*) được dùng để đưa ra một mệnh lệnh, sự bắt buộc, lời khuyên mang tính cần thiết.

Ex. You must finish your homework before going to bed.

He must arrive here on time.

- Khi phủ định, chúng ta chỉ cần thêm " not" sau động từ "must". Có thể viết tắt là *mustn't (không được)* để diễn đạt sự cấm đoán.

Ex. You mustn't play with fire.

2. Countable/ uncountable nouns:

Ex: I have some **cakes** and some **orange juice.**

countable nouns uncountable noun

◙ UNIT 6:

1. Modal verb : Should (not)

- Diễn tả một lời khuyên, một việc nên/ không nên thực hiện.

Ex: You should study hard for the final exam.

- Dùng để hỏi, xin ý kiến, nêu ý kiến về một vấn đề gì đó.

Ex: We think he should give up smoking.

2. Some/ any: *(some dùng trong câu khẳng định hoặc câu hỏi để mời/đề nghị. Any dùng trong câu phủ định hoặc nghi vấn)*

Eg: - There are some cups on the table.

- There is some water in the cup.

- Are there any students in the room?

- There isn't any milk left.

II. BÀI TẬP:

I. Circle A, B, C or D before the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others.

1. A. sing	B. mine	C. hit	D. sit
2. A. stops	B. deserts	C. lakes	D. temples
3. A. cheap	B. bread	C. repeat	D. peaceful
4. A. dislike	B. advice	C. rice	D. police
5. A. sugar	B. spring	C. scissor	D. summer

II. Choose the correct words to complete the sentences

1. Tet is coming. It's our New Year _____

A. Decoration B. shopping C. celebration D. cleaning

2. Tet is a time _____.

A. for family gatherings B. to dress beautifully C. to exchange wishes D. all are correct

3. Diana is in the art club. She likes painting pictures, and everyone enjoys them. She is very_____ .

A. shy B. kind C. funny D. creative

4. "Do you finish packing"? – "Yes. All my things are in my _____ "

A. back B. backpack C. back pack D. plaster

5. People in many countries in the world often wear their _____ clothes on the New Year Day.

A. tradition B. traditional C. ordinary D. summer

6. On New Year's Day, many people put on their best clothes and go to _____ or visit their .

A. houses - friends B. pagodas - relatives C. pagoda - relative D. the main room – friend

7. At Tet, many people present rice to wish _____ enough food throughout the year.

A. in B. at C. for D. with

8.Nam: "Would you like to sit down?" – Chau: "_____"

A. Oh, sorry, I can't. B. Great idea! C. Really? D. No, I wouldn't

9. Going by taxi is more _____ than going by bus.

A. cheaper B. faster C. easier D. expensive

10. You _____ take a lot of warm clothes when you go to Sa Pa in winter.

A. must B. mustn't C. can D. can't

11. There is _____ milk in the bottle.

A. some B.any C. a D. an

12. Before Tet, my mother and I often _____ our house with flowers.

A. celebrate B. paint C. clean D. decorate

13. You _____ all necessary things along with you before you start your trip.

A. takes B. won't take C. must take D. mustn't take

14. You _____ be late for school. It's against the school regulations.

A. must B. mustn't C. can D. can't

15. Mount Everest is the highest mountain _____ the world.

A. in B. on C. at D. of

III. Supply the correct tenses or forms of the verbs or words in brackets (1pt)

1. Nam ……..……...a letter now. (write)

2. My friend ……long black hair. (have)

3. Lan …….. to school by bike every morning. (go)

4.You mustn't……so much in the class. (talk)

5. Ha Long Bay is Viet Nam's best……wonder. (nature)

6. My father is a ……..... (work)

IV. Read the text then choose the best answers:

Nam's grandparents live in a nice, small house in the countryside. There isn't a school, a bookshop, a hotel, a hospital, a restaurant near it but there is a long river. There is a rice paddy behind the house. There is a rice paddy in front of it, too. To the left of the house is a small market. To the right of the house is a big garden. His grandparents grow a lot of vegetables and flowers in the garden. He loves them and

their house very much. It is quiet and peaceful. He visits it every summer.

1. Near Nam's grandparents' house, there is _____

a. a school b. a bookshop c. a restaurant d. a long river

2. What is behind the house?

a. a big garden b. a rice paddy c. a long river d. a small market

3. Is there a rice paddy in front of the house?

a. No, there's b. No, there isn't c. Yes, there is d. Yes, there is a

4. What's is to the right of the house?

a. A big garden b. a rice paddy c. a long river d. a small market

5. Why does he visit the house every summer? – Because _____

a. He loves that house c. his parents live in that house

b. he doesn't like his house d. he loves his grandparents and that house

V. Choose the best answer to fill in each blank of the following passage.

Dear Hanh,

I'm writing to invite you to a party we ..... (1) at the flat next Friday, December 14th. As you know, ... (2) Lan's 13th birthday next week and my birthday next month, ... (3) we thought we'd celebrate together and have a joint party.

I can't remember if you know my address or not, but anyway, if you ..... (4) the direction below, you shouldn't get lost. Take the Number 15 bus from the station and ..... (5) at the Star Hotel. Walk down Long Viet Road, past the DanChu Cinema, and then ..... (6) the first turning on the right. That's LeLoi Road. Turn left ..... (7) the first junction, then go straight past the church as far as the next crossroads. ..... (8) and our block of flats is the second on the right.

Do try and come. Of course you're ..... (9)to bring someone with you if you want to.

Look forward ..... (10) you then!

1.	A. have	B. are having	C. going to have	D. will has
2.	A. it's	B. its	C. they're	D. she's
3.	A. too	B. but	C. because	D. so
4.	A. to follow	B. follow	C. following	D. follows
5.	A. get up	B. get by	C. get on	D. get off
6.	A. have	B. get	C. take	D. bring
7.	A. in	B. at	C. of	D. on
8.	A. Right turn	B. To right	C. To turn	D. Turn right
9.	A. welcomed	B. welcome	C. welcoming	D. to welcome
10.	A. to see	B. for seeing	C. of seeing	D. to seeing

VI. Find a mistake in the underlined part and correct it.

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

1. My Dad often go to work very early every morning.
   A B C D
2. There are any parks in this city.
   A B C D
3. The police station is front of the movie theater.
   A B C D
4. There are two drugstores opposite to the hospital.
   A B C D
5. My father car looks modern and it runs very fast.
   A B C D

VII. Complete the second sentence so that it means the same as the first sentence.

1. Shall we go to the Japanese Covered Bridge first?
Let's _____
2. Helen's brother is shorter than her.
Helen _____.
3. Country life isn't as interesting as city life.
City life is _____.
4. The bus stop is in front of the hotel.
The hotel _____.
5. The weather yesterday was worse than it is today.
The weather today is _____.
6. There are three supermarkets in my town.
My town _____.
7. The shopping mall is near the Italian restaurant.
The Italian restaurant isn't _____.

VIII. Write a complete sentence, using the given words.

1. These boxes/ big/ those boxes
→_____.
2. These buildings/ modern/ those buildings
→_____.
3. There/ some/ milk/ the bottle.
→_____.
4. there/ any/ eggs/ the fridge?
→_____.
5. You/ must/ obey/ parents.
→_____.
6. People/ mustn't/ park/ bicycles/ here.
→_____.

7. It's late. You/ should/home/ right now.

→_____.

8. It/ raining/ now. You/ should not/ go out.

→_____.

IX. Reorder the words to make meaningful sentences.

1. going/ going/ by/ by/ car/ bicycle/ than/ is/ faster

_____ .

2. street/ there/ is/ post office/ at/ corner/ a/ the/ of/ the

_____ .

3. in/ is/ suburbs/ Da Nang City/ my neighbourhood/ the/ of

_____

4. me/ you/ can/ the/ to/ tell/ way/ Ben Thanh Market?

_____ .

5. The / very / friendly / are / here / and / helpful / people / .

_____ .

C.MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Địa lý:

*** Bản đồ: phương tiện thể hiện bề mặt trái đất**

- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ
- Các yếu tố cơ bản của bản đồ

*** Trái đất – hành tinh của hệ mặt trời:**

- Vị trí của Trái Đất trong Hệ Mặt Trời
- Hình dạng, kích thước của Trái Đất
- Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả địa lí
- Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả địa lí

*** Cấu tạo của trái đất:**

- Cấu tạo của Trái Đất
- Các mảng kiến tạo
- Hiện tượng động đất, núi lửa và hậu quả của nó
- Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi
- Các dạng địa hình chính
- Khoáng sản

*** Khí hậu và biến đổi khí hậu:**

- Các tầng khí quyển. Thành phần không khí
- Các khối khí. Khí áp và gió
- Nhiệt độ và mưa

2. Lịch sử:

*** Nguồn gốc loài người:**

- Quá trình tiến hoá từ vượn thành người trên Trái Đất.
- Địa điểm tìm thấy dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á.

*** Xã hội cổ đại:**

- Quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà.
- Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà
- Những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ cổ đại
- Giới thiệu về một thành tựu văn hoá của Trung Quốc mà HS ấn tượng nhất.
- Liên hệ thành tựu còn sử dụng đến nay
- Tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã

*** Đông Nam Á từ những thế kỷ tiếp giáp đầu công nguyên đến thế kỷ X:**

- Quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.
- Sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á.

II. MỘT SỐ CÂU HỎI THAM KHẢO

Câu 1.

a) Những thành tựu nào của văn hóa Trung Quốc thời cổ đại vẫn còn sử dụng đến nay?

b) Trách nhiệm của bản thân em với những thành tựu văn hoá đó?

Câu 2: Điều kiện tự nhiên tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của văn minh Hy Lạp?

Câu 3: Trình bày sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

Câu 4.

a. Quá trình nội sinh tác động như thế nào trong việc hình thành địa hình bề mặt Trái Đất?

b. Nếu đang trong lớp học mà có động đất xảy ra, em sẽ làm gì để bảo vệ mình?

Câu 5. Bài tập thực hành tính nhiệt độ trung bình năm.

D. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. Trắc nghiệm: HS nhận biết được:

- Một số truyền thống của gia đình, dòng họ.
- Khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.
- Khái niệm và biểu hiện, ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.
- Một số biểu hiện của tôn trọng sự thật.
- Khái niệm và biểu hiện của tự lập.
- Thế nào là tự nhận thức bản thân. Ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.

II. Tự luận:

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

Câu 1: Vì sao phải rèn luyện tính tự lập trong cuộc sống? Hãy đề xuất những việc làm giúp em rèn luyện tính tự lập?

Câu 2: Sau khi học xong bài "Tôn trọng sự thật", Minh cho rằng trong cuộc sống chúng ta cần luôn luôn nói ra sự thật cho dù trong bất cứ tình huống nào.

a. Em đồng ý hay không đồng ý với suy nghĩ của Minh? Vì sao?

b. Em hãy thuyết phục Minh để bạn hiểu rằng không phải lúc nào cũng nên nói sự thật, cần tuỳ theo từng trường hợp mà ứng xử cho phù hợp.

Câu 3: Em sẽ làm thế nào để khắc phục điểm yếu (hoặc phát huy điểm mạnh) của mình trong các tình huống sau?

a. Trong tiết học Toán, còn một số vấn đề em chưa hiểu nên chưa làm được hết các bài tập thầy giao về nhà.

b. Trong tiết sinh hoạt lớp, cô giáo chủ nhiệm của lớp em mong muốn học sinh phát hiểu ý kiến của mình về các biện pháp giúp lớp thực hiện tốt nội quy.

c. Em phát hiện một bạn trong lớp đã nói xấu em với nhiều người.

Câu 4: Tan học sớm, Hoa rủ các bạn vào nhà mình ăn cơm trưa. Về tới nhà, Hoa chợt nhớ ra là lúc sáng mẹ về quê thăm bà ốm nên không nấu cơm sẵn như mọi ngày. Hoa cùng các bạn vào bếp nhưng loay hoay mãi không biết nấu gì để ăn trưa vì từ trước tới

a) Em nhận xét gì về Hoa và các bạn của Hoa trong tình huống trên?

b) Nếu là Hoa em sẽ làm gì?

Câu 5: Hồng là con một trong gia đình, nên ở nhà Hồng không phải làm gì cả, quần áo cũng được mẹ giặt cho. Không những thế, mặc dù nhà gần trường nhưng hôm nào bố mẹ cũng phải đưa đón Hồng đi học bằng xe máy. Thấy vậy Thuý hỏi bạn:

– Sao cậu đã là học sinh lớp 6 rồi mà vẫn không tự học và tự giặt quần áo được à ?

Hồng hồn nhiên trả lời :

– Mình là con một mà. Bố mẹ không chăm cho mình thì còn chăm cho ai nữa. Với lại chúng mình vẫn còn nhỏ, bố mẹ chăm sóc như vậy là đương nhiên thôi.

Câu hỏi:

1/ Em có tán thành với suy nghĩ của Hồng không ? Vì sao ?

2/ Nếu là Thuý, em sẽ nói gì với Hồng?

GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Cần phải rèn luyện tính tự lập trong cuộc sống vì:

- Giúp chúng ta thành công trong cuộc sống và được mọi người tôn trọng; có thêm kinh nghiệm sống, kinh nghiệm trong công việc; rèn được đức tính kiên trì nhẫn nại vượt lên hoàn cảnh.
- Đối với gia đình: khi con biết tự lập, cha mẹ sẽ rất hạnh phúc, mọi người sẽ yên tâm hơn đối với con cái…
- Đối với xã hội sẽ góp phần làm cho xã hội phát triển…

* **HS tự đề xuất việc làm…**

Câu 2:

a. Không đồng ý với suy nghĩ của Minh.

Vì không phải lúc nào nói ra sự thật cũng mang lại niềm vui cho người khác đôi khi chúng ta nói không đúng lúc, đúng chỗ có thể làm tổn thương đến người khác.

b. HS diễn đạt theo cách của cá nhân, cần đảm bảo tính thuyết phục và nêu được ví dụ cụ thể.

(Ở trong một số trường hợp thì một lời nói chưa thật lại có thể mang đến lợi ích cho người khác ví dụ như với một người bị ung thư thời gian còn sống rất ngắn ngủi, nhưng ta không nói đúng sự thật đó với họ để họ có niềm tin hơn trong việc chữa trị…)

Câu 3: HS đề xuất cách giải quyết các tình huống có thể đảm bảo các ý sau:

a. Mạnh dạn hỏi bạn bè hoặc thầy giáo những điều chưa hiểu, mong thầy và bạn có thể giảng lại cho mình hiểu…

b. Cùng với các bạn trong lớp thảo luận, đóng góp ý kiến đề xuất các biện pháp giúp lớp thực hiện tốt nội quy, bản thân cũng phải tự giác thực hiện nội quy trường lớp.

c. Xem lại bản thân mình ưu điểm, nhược điểm của mình. Nếu những điều bạn kia nói là đúng mình sẽ chủ động sửa chữa. Nếu bạn nói chưa đúng sẽ gặp bạn để góp ý với bạn yêu cầu bạn tôn trọng và nói đúng về mình. Kìm nén cảm xúc không gây gỗ, trả đũa, sống tích cực để chứng minh bản thân với mọi người.

Câu 4:

- Nếu là Hoa em sẽ gọi điện hỏi mẹ cách nấu hoặc tự tìm hiểu cách nấu ăn trên mạng Internet, sách nấu ăn và cùng các bạn vào bếp để nấu.
- Sau đó em sẽ chú ý đến việc giúp đỡ mẹ chuẩn bị bữa cơm cho gia đình hàng ngày để học tập và rèn kĩ năng nấu nướng của bản thân.

Câu 5: HS đưa ra lời khuyên, chú ý đảm bảo được việc nhắc bạn:

- Bố mẹ không thể lo cho mình cả đời được, vậy nên mỗi ngày tích lũy chúng ta phải tự làm những công việc từ nhỏ đến lớn;
- Việc giặt quần áo và tự đi học khi nhà gần trường không có gì khó khăn, bạn nên tự làm cho quen, …

E.MÔN MỸ THUẬT

BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ, ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I VÀ TIÊU CHÍ, HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI MÔN MỸ THUẬT 6

1. BẢN ĐẶC TẢ:

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật tạo hình	*** Yếu tố và nguyên lí tạo hình** Lựa chọn, kết hợp: *** Yếu tố tạo hình**	**1. Nhận biết:** - Xác định được nội dung đề tài trên sản phẩm.

	– Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. Nguyên lí tạo hình – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. *** Thể loại** Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mĩ thuật – Hội hoạ *** Hoạt động thực hành và thảo luận** – Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 2D, 3D và thảo luận/chia sẻ *** Định hướng chủ đề: Văn hoá xã hội**	**2. Thông hiểu** - Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành hội họa. **3. Vận dụng** - Vận dụng được của yếu tố tạo hình vào thực hành tạo được sản phẩm. - Giới thiệu 1 số thông tin về sản phẩm MT. **4. Vận dụng cao** - Liên hệ ứng dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn

2. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA: (Thời gian: 45’)

a) Nội dung

Câu 1: Em hãy lựa chọn và tạo một sản phẩm tạo hình cá bằng lá cây.

Câu 2: Viết một số thông tin giới thiệu về sản phẩm. (Tên sản phẩm, chất liệu, yếu tố tạo hình được thể hiện trên sản phẩm,...)

Câu 3: Em hãy sáng tạo hoạ tiết trang trí và ứng dụng vào bài trang trí

Câu 4: Viết một số thông tin giới thiệu về hoạ tiết trang trí

Câu 5: Em hãy vẽ bức tranh chân dung về bạn thân của e.

Câu 6: Viết một số thông tin về người bạn đó đồng thời thể hiện tình cảm của bản thân với người bạn của mình.

Yêu cầu:

- Hình thức: Tạo hình 2D hoặc 3D (Lựa chọn kết hợp vẽ, in, xé dán hoặc cắt ghép từ những vật liệu có sẵn, tái chế…)
- Chất liệu: Lựa chọn kết hợp các loại màu vẽ, giấy màu, bìa cát tông, đất nặn và các chất liệu khác sẵn có.
- Đồ dùng: Lựa chọn màu vẽ, bút vẽ, kéo, hồ dán , keo nến….
- Kích thước: Khổ giấy A4

3. PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Xác định được nội dung đề tài
2. Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành (vẽ/xé, dán/ kết hợp vẽ, xé, in…)
3. Thể hiện được việc sắp xếp một số yếu tố tạo hình: nét, hình, màu sắc, đậm nhạt, không gian…
4. Chia sẻ được một vài thông tin về sản phẩm (của cá nhân/nhóm).
5. Liên hệ ứng dụng sản phẩm và biết chia sẻ trách nhiệm của HS

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

*** Hướng dẫn xếp loại**

- Mức Đ: Học sinh đạt được ít nhất 03 tiêu chí (1, 2, 3), 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc 5 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5).
- Mức CĐ: Học sinh chỉ đạt 01 (tiêu chí 1 hoặc 2), 02 tiêu chí (tiêu chí 1 và 2) trong 5 tiêu chí.

F.MÔN ÂM NHẠC

Hát: Ôn 4 bài hát đã học: *Em yêu giờ học hát, Lí cây đa, Bụi phấn, Tình bạn bốn phương*.

Đọc nhạc: Ôn 4 bài đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 1, Bài đọc nhạc số 2, Bài đọc nhạc số 3, Bài đọc nhạc số 4* kết hợp gõ đệm.

Nhạc cụ: Ôn các bài tập tiết tấu, bài tập giai điệu đã học.

----------HẾT----------

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI LỚP 7

NĂM HỌC 2022 – 2023

A, MÔN NGỮ VĂN:

I/. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:

1/. Đặc điểm các thể loại văn học: truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ bốn chữ, năm chữ, truyện khoa học viễn tưởng, văn bản nghị luận (nghị luận văn học).

2/. Thống kê các văn bản đã học trong chương trình ở học kì I theo mẫu:

Thứ tự	Văn bản-Năm sáng tác	Tác giả	Thể loại-Phương thức biểu đạt	Nội dung chính	Đặc sắc về nghệ thuật

PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:

1/. Ngôn ngữ vùng miền, số từ và phó từ, mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ - vị.

2/. Đặt câu có sử dụng số từ và phó từ. Viết đoạn văn có sử dụng ít nhất một chủ ngữ hoặc vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị.

PHẦN THỰC HÀNH VIẾT: Trình bày dàn ý chung của:

1/. Bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

2/. Bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.

II/. LUYỆN TẬP:

BÀI 1:

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CỦ KHOAI NƯỚNG

Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.

Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mải miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó

bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.

Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.

Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.

- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.

Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:

- Tôi chỉ xin lửa thôi...

Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.

- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!

Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự

trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.

Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?

(Theo truyện ngắn Tạ Duy Anh)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

A. Cuối đông
B. Chớm hè
C. Cuối xuân
D. Đầu thu

Câu 2. Ai là người kể chuyện?

A. Cậu bé Mạnh
B. Ông lão ăn mày
C. Một người khác không xuất hiện trong truyện
D. Cậu bé ăn mày

Câu 3. Đâu là thành phần trạng ngữ trong câu *"Sau trận mưa rào vòm trời được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn."?*

A. Sau trận mưa rào
B. Vòm trời
C. Rửa sạch
D. Xanh và cao hơn

Câu 4. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm
B. Tinh thần lạc quan
C. Tinh thần đoàn kết
D. Lòng yêu thương con người

Câu 5. Vì sao cậu bé Mạnh lại có *"cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá"?*

A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.
B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.
C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.
D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

Câu 6. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu *"Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này."?*

A. So sánh B. Nhân hóa

C. Nói qúa D. Nói giảm nói tránh

Câu 7. Từ "*lật đật*" trong câu *"Ông lão lật đật đứng dậy."* miêu tả hành động như thế nào?

A. Chậm dãi, thong thả B. Mạnh mẽ, dứt khoát

C. Nhẹ nhàng, khoan khoái D. Vội vã, tất tưởi

Câu 8. Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

A. Tôn trọng B. Coi thường

C. Biết ơn D. Khinh bỉ

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

Câu 10. Ghi lại một cách ngắn gọn tâm trạng của em sau khi sau khi làm được một việc tốt.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Các em đã học và đọc nhiều câu chuyện lịch sử, hãy viết bài văn kể về sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích.

BÀI 2:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

ĐƯA CON ĐI HỌC

- **Tế Hanh -**

Sáng nay mùa thu sang
Cha đưa con đi học
Sương đọng cỏ bên đường
Nắng lên ngời hạt ngọc

Lúa đang thì ngậm sữa
Xanh mướt cao ngập đầu
Con nhìn quanh bỡ ngỡ
Sao chẳng thấy trường đâu?

Hương lúa tỏa bao la
Như hương thơm đất nước
Con ơi đi với cha
Trường của con phía trước

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

Thu 1964

*(In trong **Khúc ca mới**, Tr.32, NXB Văn học,1966)*

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của bài thơ trên ?

A. Tự do C. Lục bát

B. Năm chữ D. Bốn chữ

Câu 2. Hiện tượng từ ngữ nào sau đây nêu đúng mối quan hệ về nghĩa của từ "đường" trong bài thơ trên và từ "đường" trong cụm từ "Ngọt như đường"?

A. Hiện tượng đồng âm C. Hiện tượng đồng nghĩa

B. Hiện tượng trái nghĩa D. Hiện tượng đa nghĩa

Câu 3. Ai là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ?

A. Mẹ B. Con C. Cha D. Bà

Câu 4. Cụm từ *"nhìn quanh bỡ ngỡ"* thuộc cụm từ nào sau đây?

A. Cụm danh từ C. Cụm động từ

B. Cụm tính từ D. Cụm chủ vị

Câu 5. Người cha muốn nhắn gởi điều gì với con qua hai câu thơ sau?

Con ơi đi với cha

Trường của con phía trước.

A. Bước chân của con luôn có cha đồng hành, cha sẽ đi cùng con trên mọi chặng đường, đưa con đến những nơi tốt đẹp. Cha luôn yêu thương, tin tưởng và hi vọng ở con.

B. Con hãy luôn luôn yêu thương, kính trọng cha mẹ. Con luôn phải có thái độ biết ơn đối với công lao sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ.

C. Con hãy biết ơn và kính trọng mẹ kể cả lúc mẹ đã già yếu. Hãy quan tâm, thấu hiểu với những vất vả của cha.

D. Khắc sâu tấm lòng yêu con của cha, đồng thời thể hiện sự tin tưởng, hi vọng ở con.

Câu 6. Dòng nào sau đây giải nghĩa đúng nhất tác dụng chủ yếu của biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong câu thơ *"Lúa đang thì ngậm sữa"*?

A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.

B. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.

C. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

D. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.

Câu 7. Theo em, hình ảnh " hạt ngọc " được hiểu là gì?

A. Nắng mùa thu C. Hương lúa mùa thu

B. Gió mùa thu D. Sương trên cỏ bên đường

Câu 8. Nội dung nào sau đây nói đúng nhất chủ đề của bài thơ?

A. Ca ngợi tình cảm của cha dành cho con.

B. Ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước.

C. Thể hiện niềm vui được đưa con đến trường của người cha.

D. Thể hiện lòng biết ơn của người con với người cha.

Câu 9. Em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của người cha trong bài thơ?

Câu 10. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc sau khi đọc bài thơ.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn biểu cảm về một người thân trong gia đình (ông, bà, cha, mẹ, anh , chị,…)

BÀI 3

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu:

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.

(*Sang thu*, Hữu Thỉnh)

Câu 1. Bài thơ trên sử dụng thể thơ nào?

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Tự do D. Tám chữ

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ trên.

A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 3: Sự biến đổi của đất trời lúc sang thu được nhà thơ cảm nhận lần đầu tiên từ đâu?

A. Từ một mùi hương B. Từ một cơn mưa

C. Từ một đám mây D. Từ một cánh chim

Câu 4: Hai câu thơ "Sương chùng chình qua ngõ - Hình như thu đã về" sử dụng phép tu từ nào?

A. Nhân hóa B. Ẩn dụ C. Hoán dụ D. Điệp từ

Câu 5: Từ "chùng chình" được hiểu thế nào?

A. Đi rất chậm, dò từng bước một

B. Đi rất nhanh, vừa đi vừa nghiêng ngả

C. Ngập ngừng như không muốn đi

D. Ẩn giấu nhiều điều không muốn nói

Câu 6: Ý nào nói đúng cảm xúc của tác giả trong bài thơ Sang thu?

A. Hồn nhiên, tươi trẻ B. Lãng mạn, thanh thoát

C. Mới mẻ, tinh tế D. Mộc mạc, chân thành

Câu 7: Trong bài thơ trên, hình ảnh thiên nhiên vào thời điểm giao mùa hạ- thu có đặc điểm gì?

A. Sôi động, náo nhiệt B. Bình lặng, ngưng đọng

C. Xôn xao, rộn rang D. Nhẹ nhàng, giao cảm

Câu 8: Ý nào sau đây nêu được nét đặc sắc nhất về nghệ thuật của bài thơ trên?

A. Sử dụng câu ngắn gọn, chính xác

B. Sáng tạo những hình ảnh giàu ý nghĩa, triết lý

C. Sáng tạo những hình ảnh quen thuộc mà vẫn mới mẻ, gợi cảm

D. Sử dụng đa dạng, phong phú phép so sánh, ẩn dụ

Câu 9: Có ý người cho rằng hình ảnh "sấm" và "hàng cây đứng tuổi" là hình ảnh ẩn dụ. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?

Câu 10: Bài thơ *"Sang thu"* của Hữu Thỉnh là bức thông điệp lúc giao mùa, em hãy trình bày mạch cảm xúc của bài thơ.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Dựa vào nội dung bài ca dao trên, em hãy viết một bài văn trình bày cảm xúc của em về người mẹ kính yêu của mình.

BÀI 4:

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng?

CHIẾC ĐÈN ÔNG SAO

Thằng Tùng ôm khư khư chồng báo trước ngực. Nó len lỏi đi dọc đường Hàng Mã rồi xuôi theo phố Lương Văn Can. Đèn điện sáng trưng. Một thế giới của tuổi thơ ở đây. Đủ các loại đồ chơi. Những chiếc đèn lồng, đèn ông sao treo kín lối đi, xếp đầy trong thùng giấy, tràn cả xuống lòng đường.

Dòng người, dòng xe đi mua sắm quà trung thu rất đông. Thằng Tùng thẫn thờ nhìn. Có cậu bé, cô bé cũng chỉ trạc tuổi nó ngồi trên những chiếc xe máy đắt tiền bắt bố mẹ đi hết cửa hàng này sang cửa hiệu nọ để chọn mua đồ chơi. Những thứ đồ chơi cao cấp giá hàng trăm, hàng triệu đồng mà chúng vẫn chê khiến bố mẹ chúng phải chạy xe lòng vòng mãi.

Nhìn những chiếc đèn ông sao bày la liệt bên đường, thằng Tùng chỉ ước ao có được một chiếc. Nó và em Bi sẽ chơi chung. Nhất định nó sẽ nhường cho cu Bi cầm lâu hơn...

Chợt nhớ tới chồng báo còn nặng trên tay, thằng Tùng vội cất tiếng rao. Giọng nó đã khản đặc:

- Ai... báo... đây...! Báo công an, báo pháp luật, báo an ninh thủ đô... một vụ... giết... người... hai vụ... cướp... hiếp... đây...

Không ai gọi mua báo. Thằng Tùng thấy lo lắng. Báo không bán hết phải trả lại đại lý thì sẽ bị khấu trừ vào số tiền những tờ đã bán được, lời lãi chả còn là bao. "Nhưng thôi... - Nó nghĩ - ... cũng vẫn đủ tiền ăn một ngày của hai anh em nó". Mẹ nó đang ốm mệt không gánh hàng rong vào phố được, chỉ loanh quanh ở cái chợ ngoài bãi sông quét dọn, rửa bát thuê. Chắc giờ này trong gian nhà nhỏ ở chân đê mẹ và cu Bi đang mong nó về. Nó lại định cất tiếng rao thì có người gọi:

- Ê... báo! Còn "Mua và bán" không?

Một bà chủ cửa hiệu bên đường vẫy nó. Thằng Tùng mừng quýnh:

- Dạ! Còn... còn ạ!

Thằng Tùng rút tờ "Mua và bán" đưa cho bà chủ cửa hiệu. Nhận tiền xong nó vừa định bước đi thì bà ta lại bảo:

- Khênh giúp cái thùng đèn ông sao kia vào trong nhà! Hết khách rồi...

- Vâng ạ!

Thằng Tùng đáp và đặt tập báo xuống bậc cửa. Vừa bám vào cái thùng các-tông định cùng bà chủ hiệu đẩy lên nhà thì nó vội kêu lên:

- Khoan đã bà ơi! Có một chiếc đèn ông sao bị rơi ra ngoài, kéo thùng qua thì hỏng mất.

- Rơi đâu mà rơi! Cái thằng oắt con lúc nãy bố mẹ mua cho rồi lại chê đập bẹp vứt đi đấy...

- Bà cho cháu nhé!

- Mày lấy thì lấy đi! Nó bị bẹp mất một cánh rồi!

Thằng Tùng sung sướng chộp lấy chiếc đèn ông sao đang nằm lăn lóc dưới đất. Nó cẩn thận đặt chiếc đèn lên trên chồng báo rồi giúp bà chủ hiệu đưa thùng hàng vào nhà.

Cầm chiếc đèn ông sao bị bẹp một cánh trên tay thằng Tùng cứ ngắm nghía mãi. Nó tính sẽ lấy một chiếc que lùa vào bên trong chiếc đèn nắn cho cái cánh bị bẹp phồng lên như cũ. Thế là tết trung thu này hai anh em nó sẽ có một cái đèn ông sao rồi. Thằng Tùng thấy lòng mình lâng lâng. Cu Bi giờ này chắc cũng đã ngủ. Thằng Tùng chợt nảy ra một ý nghĩ. Nó sẽ giấu thật kỹ chiếc đèn ông sao, chờ đến đúng đêm trung thu mới lấy ra, chắc chắn cu Bi sẽ bị bất ngờ và thích thú lắm.

Thằng Tùng về đến nhà thì trăng đã lên cao. Ánh trăng mùa thu lấp loá trên sóng nước sông Hồng...

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

(Theo truyện ngắn Trọng Bảo)

Câu 1. Ai là người kể chuyện?

A. Thằng Tùng

B. Cu Bi

C. Một người khác không xuất hiện trong truyện

D. Bà chủ cửa hiệu

Câu 2. Đâu là thành phần vị ngữ trong câu *"Dòng người, dòng xe đi mua sắm quà trung thu rất đông"?*

A. Dòng xe đi mua sắm quà trung thu rất đông

B. Đi mua sắm quà trung thu rất đông

C. Mua sắm quà trung thu rất đông

D. Quà trung thu rất đông

Câu 3. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu *"Những chiếc đèn lồng, đèn ông sao treo kín lối đi, xếp đầy trong thùng giấy, tràn cả xuống lòng đường. ."?*

A. So sánh B. Nhân hóa C. Điệp ngữ D. Nói quá

Câu 4. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm

B. Tinh thần lạc quan

C. Tinh thần đoàn kết

D. Lòng yêu thương con người

Câu 5. Vì sao *Thằng Tùng lại có cảm giác "sung sướng chộp lấy chiếc đèn ông sao đang nằm lăn lóc dưới đất*"?

A. Vì Tùng sẽ có đồ chơi trong tết trung thu.

B. Vì Tùng nghĩ mình sẽ sửa lại chiếc đèn đó để bán.

C. Vì tết trung thu này Tùng sẽ có đèn ông sao để cùng chơi với cu Bi.

D. Vì Tùng đã bán được thêm một tờ báo.

Câu 6. Từ "*thẫn thờ*" trong câu *"Thằng Tùng thẫn thờ nhìn."* miêu tả tâm trạng như thế nào?

A. Ngẩn ngơ, mất hết vẻ linh hoạt

B. Buồn, không chú ý việc chi cả

C. Buồn, nghĩ về hoàn cảnh nghèo khó của mình

D. Bâng khuâng, ngơ ngác.

Câu 7. Trong câu:*" Hết khách rồi..."* dấu chấm lửng có tác dụng gì?

A. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, hay ngập ngừng, ngắt quãng.

C. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

D. Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

Câu 8. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

A. Mùa đông

B. Mùa xuân

C. Mùa hạ

D. Mùa thu

Câu 9. Nếu em là nhân vật thằng Tùng trong câu chuyện, em hành động như thế nào khi được bà chủ cho chiếc đèn ông sao hỏng? Vì sao em lại làm như vậy?

Câu 10. Ghi lại một cách ngắn gọn tâm trạng của em sau khi sau khi làm được một việc tốt.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn biểu cảm nhân vật Mác Oát-ni trong đoạn trích " Nhật trình Sol 6" .

B. MÔN TIẾNG ANH

I. LÝ THUYẾT:

◙ UNIT 1:

1. The present simple tense

a. Form

**** Tobe: is, am, are***

(+) S + is/ am / are …. Ex. She (be) **is** twelve years old.

*** Nomal verb (động từ thường):**

(+) S + V(s, es) …. Ex. He (live) **lives** in Can Kiem.

b. Usage (cách dùng): Thì hiện tại đơn dùng để diễn đạt một hành động mang tính thường xuyên, thói quen hoặc hành động lặp đi lặp lại có tính quy luật.

c. Dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại đơn giản:

- Trạng từ chỉ tần xuất: always, usually, often, sometimes, rarely, seldom, never.
- Các trạng từ chỉ thời gian: every + time (every day), today, nowadays, Sundays.

2. Future simple tense (Thì tương lai đơn giản)

a. Form

(+) S + will / shall + V …. Ex. We (do) **will do** the first term test next week.

b. Usage (cách dùng): Thì tương lai, thường là đưa ra quyết định ngay khi nói.

Ex. A: There will be a new good on tonight. B: Then I will see it tonight.

c. Dấu hiệu nhận biết: tomorrow, next + time (next week, next Monday, next Spring,...); in the future

2. Verbs of liking + V-ing:

** **Form:***

S +	**like / enjoy / love** **don't like / dislike / hate** **be interested in**	+ V-ing …..

◙ **UNIT 2:**

Simple Sentences (câu đơn)

Chỉ có **1 mệnh đề chính**, nghĩa là có 1 chủ ngữ và 1 động từ.

Có thể chủ ngữ là 2 danh từ nối bằng 'and' hoặc có 2 động từ nối bằng 'and' nhưng vẫn là 1 câu đơn thôi.

Ví dụ:

I went to the supermarket yesterday.

Mary and Tom are playing tennis.

My brother ate a sandwich and drank beer.

◙ **UNIT 3:**

1. The past simple:

a. Form:

Sentence	Normal verb	Tobe
Câu khẳng định	S + V-ed / V2 …	S + was / were …

b. Usage: Thì quá khứ đơn dùng để diễn tả một hành động đã xảy ra và chấm dứt hoàn toàn trong quá khứ.

3. Dấu hiệu nhận biết: Yesterday, ago, last week/ month/ year, in the past, in 2016,...

Ex. Uncle Ho passed away in 1969.

◙ **UNIT 4:**

1. So sánh bằng (không bằng):

a. So sánh ngang bằng:

S + to be + as/so + adj + as + O. e.g. She is as tall as her mother.

b. So sánh không bằng:

S + to be not + as/so + adj + as + O. e.g. This hat is not as/so expensive as that one.

a. So sánh giống nhau:

S + to be + like + O. e.g. His taste in art is like mine.

3. So sánh khác nhau :

S + to be + different from + O. e.g. Her hobby is different from mine.

◙ **UNIT 5:**

1. many, much, a lot of/ lots of: (nhiều)

a. many:

Dùng trước danh từ đếm được số nhiều.

b. much:

Dùng trước danh từ không đếm được.

- *How many/ How much..*: Bao nhiêu

* Ngoài ra *How much* còn thường được dùng khi hỏi giá cả.

How much does that shirt?- 50.000 dong.

c. a lot of/ lots of:

Dùng với cả danh từ số nhiều và danh từ không đếm được.

2. A, an, some, any

a. a và an (một)

A và **an** được dùng cho danh từ số ít đếm được.

A đứng trước phụ âm, **an** đứng trước nguyên âm (tính theo cách phát âm chứ không phải cách viết)

Ex. a cat, a house, an ocean, an hour.

b. some và any (một vài, một ít)

- **some** được dùng cho các danh từ không đếm được hoặc đếm được số nhiều ở trong câu khẳng định, hoặc câu hỏi để mời hoặc đề nghị.

EX. There is some water.

There are some books on the desk.

- **any** được dùng cho các danh từ không đếm được hoặc đếm được số nhiều ở trong câu phủ định và câu hỏi.

Ex. There isn't any food.

Are there any chairs in the room?

◙ **<u>UNIT 6</u>: Prepositions of time" AT, IN, ON**

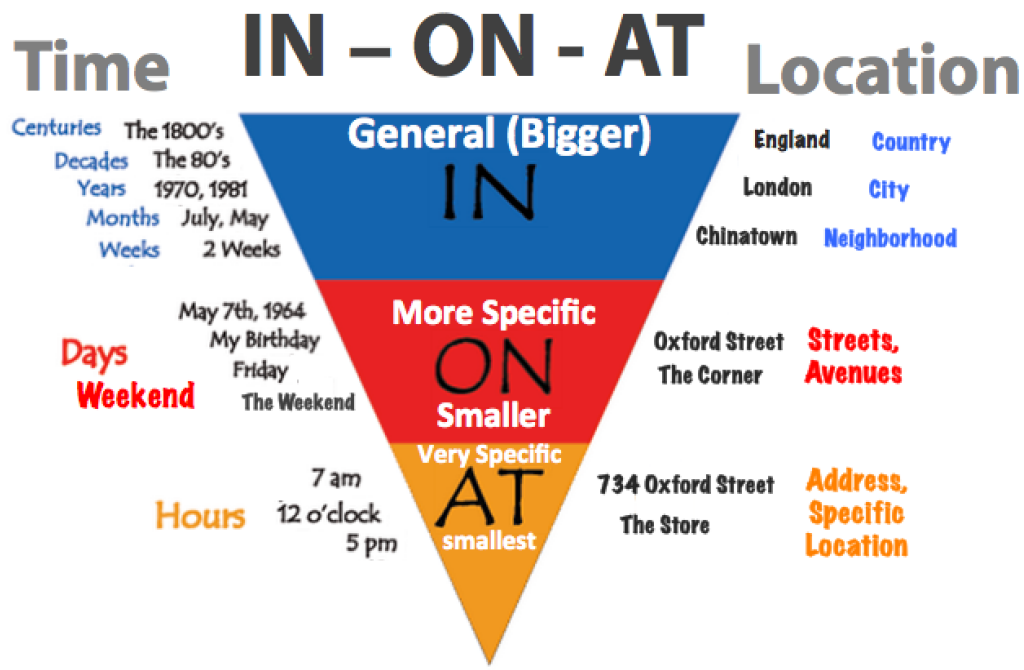

II. PRACTICE

PART I: USE OF ENGLISH

Multiple-choice questions.

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

Circle A, B, C or D before the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others.

1. A. exhibition B. revision C. anxious D. social
2. A. surfing B. collect C. concert D. melody
3. A. musician B. dishwasher C. essential D. television
4. A. bought B. brought C. thought D. though
5. A. bottom B. short C. course D. four

Circle A, B, C or D before the word or phrase which best completes each sentence.

1. If you want to _____ weight, you should follow a low-fat diet.

A. lose B. gain C. put on D. take

2. You don't need to take _____ food on the trip.

A. a B. some C. any D. the

3. Alice decided to take _____ yoga class five years ago.

A. in B. up C. out D.

4. To protect our skin from bad condition, we need to use _____.

A. eye drops B. lip balm C. sun cream D.

5. At the end of this month, students will give a hand in cooking food for young children at _____.

A. an orphanage B. a nursing home C. a rural area D. a mountainous area

6. The last performance was a successful cooperation between the _____ and the musicians.

A. composer B. viewers C. poets D. painters

7. Europeans usually consumes _____ bread and omelette for breakfast.

A. fried B. toasted C. roasted D. boiled

8. Alex will participate _____ a singing contest next month.

A. on B. in C. of D. with

Choose the correct answer:

1. My lesson starts _____ five o'clock. a) on b) at c) in
2. My father usually buys a newspaper _____ the morning. a) on b) at c) in
3. We wear warm clothes _____ winter. a) on b) at c) in
4. We get presents _____ Christmas. a) on b) at c) in
5. I usually visit my grandparents ____ Sunday afternoon. a) on b) at c) in
6. John's birthday is _____ August 16th . a) on b) at c) in
7. The film finishes _____ 9:30. a) on b) at c) in
8. The supermarket is closed _____ Sunday. a) on b) at c) in

PART II. READING COMPREHENSION

I. Choose the word which best fits each gap.

While art may not be vital to fulfill our basic needs, it does make life (1) _____. When you look at a painting or poster hang on your living room wall, you feel happy. The sculpture on the kitchen windowsill create a (2) _____ of joy. These varieties of art forms that we are surrounded by all come (3) _____to create the atmosphere that we want to live in.

Just like art, music can make life extremely joyful and can have a huge effect (4) _____ our mood. If you have something hard or difficult to work on or are feeling tired, an energetic song will likely (5) _____you up and add some enthusiasm to the situation. Similarly when stress is high, many people find that relaxing to calming music is something that eases the mind.

1. A. boring	B. beautiful	C. joyful	D. helpful
2. A. sense	B. feel	C. cause	D. way
3. A. away	B. along	C. down	D. together
4. A. on	B. in	C. at	D. of
5. A. take	B. wake	C. pick	D. bring

II. Read the text and decide whether the following statements are true (T) or false (F).

The Temple of Literature (Van Mieu) was constructed in 1070 under the reign of King Ly Thanh Tong. The temple was originally dedicated to Confucius as well as other scholars and sages. Six year later, the Imperial Academy (Quoc Tu Giam), Vietnam's first university, was founded by King Ly Nhan Tong on the grounds of the temple. Initially, the Imperial Academy was the school for princes and sons from royal families and then expanded to admit brilliant students from all over the country. In 1484 Emperor Le Thanh Tong ordered the erection of the first stone tablets that were carved with the names, places of birth and achievements of doctors. The university operated for more than 700 years, from 1076 to 1779.

Nowadays, the Temple of Literature – Imperial Academy (Van Mieu – Quoc Tu Giam) is one of the most famous historic and cultural heritages of Vietnam. And the Doctors' stone tablets were recognised by UNESCO as World Documentary Heritage in 2010.

Statements	**T**	**F**
1. The Temple of Literature was built to honour Confucius.		
2. The Imperial Academy was founded in 1070.		
3. The Imperial Academy was established within the Temple of Literature.		
The Imperial Academy was originally established to educate students from all over the country.		
5. The first Doctors' stone tablets were erected under the Le Dynasty.		

PART III- WRITING

I. Complete each sentence so it means the same as the sentence above.

1. It will be good if you eat less meat and more vegetables.

→You should ……

2. He likes playing computer games in his free time.

→His hobby is ……..

3. I am interested in watching TV in the evening.

→ I enjoy…….……

4. He is more artistic than his brother.

→ *His brother* …….……

5. The hotel in New York was better than the hotel in California. *(not as ... as)*

→…….....

6. This book is the same as that book. *(like)*

→…….....

7. This picture is the same as the picture in our room. *(not different from)*

→……

II. Write full sentences using the suggested words and phrases given:

1. she/ interested / arranging flowers?

→……

2. We/ already/ ask/ people/ donate/ books / clothes / street children.

→……

3. I / not like/ eat/ junk food / because / it / not be / good / my health.

→……

4. food/ Gina/ homeless/ for/ prepare/ drinks/ the/ and/ last week.

→……

III. Reorder the words/ phrases to make meaningful sentences.

1. rebuild/ helped/ houses/ They/ trees/ also/ plant/ and/ people/./

→……

2. people/ donated/ generous/ for/ people/ Many/ poor/ money/./

→……

3. the chidren/ read/ there/ We/ taught/ and/ write/ to/./

→……

IV. Find out and correct the mistake in the four underlined parts of each sentence.

1. Laura <u>brought</u> a lot of <u>money</u> with her so that she <u>could</u> buy <u>any</u> foods.

_____

2. <u>Much</u> people like cooking <u>but</u> not <u>all</u> of them are very good <u>at</u> cooking.

_____

3. We often have some rice and pork in lunch.

_____

4. Your violin is the same with the one I bought last month.

_____

5. The weather today is not so hot as it is yesterday.

_____

7. I like this actress, he acts attractively in *Titanic*.

_____

8. No student in my class is as brilliant like Mary.

_____

C. MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

I/ PHẦN LỊCH SỬ

1. Những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hóa Phục hưng (văn học, nghệ thuật, kiến trúc-điêu khắc, khoa học).
2. Ấn Độ dưới thời các triều đại phong kiến.
3. Sự phát triển của vương quốc Cam-pu-chia thời kì Ăng-co (thể chế chính trị, tôn giáo)
4. Vương quốc Lào thời Lan-Xang (Người lập ra vương quốc Lan-Xang, tôn giáo). Đánh giá sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.
5. Nêu những thành tựu về văn hóa của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. Liên hệ một thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI có ảnh hưởng đến ngày nay.
6. Sự thành lập nhà Đinh ? Việc nhà Đinh đặt tên nước và không dùng niên hiệu của hoàng đế Trung Quốc nói lên điều gì?

II/ ĐỊA LÍ

1. Nêu đặc điểm dân cư, xã hội châu Á.
2. Dựa vào bảng số liệu sau, em hãy nhận xét sự thay đổi số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á giai đoạn 2005-2022.

Số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á (không tính số dân của Liên Bang Nga) giai đoạn 2005-2020.				
Năm	**2005**	**2010**	**2015**	**2020**
Số dân (tỉ người)	3,98	4,21	4,33	4,64
Tỉ lệ dân thành thị %	41,0%	44,6%	47,8%	50,9%

3. Kể tên một số mặt hàng xuất khẩu của Nhật Bản sang thị trường Việt Nam và của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản.
4. Châu Á có những khu vực nào? Nêu hiểu biết của em về các khu vực ở châu Á?

5. Nêu vị trí địa lí, hình dạng, kích thước của châu Phi?

D.MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. Trắc nghiệm: HS nhận biết được:

- Một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.
- Khái niệm và những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.
- Khái niệm và các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.
- Các hành vi, việc làm cụ thể thể hiện sư tự giác, tích cực trong học tập và cuộc sống hàng ngày.
- Chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín/ không giữ chữ tín.
- Khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam. Kể tên được một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá. Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.
- Một số tình huống có thể gây tâm lý căng thẳng cho bản thân và các biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.

II. Tự luận:

Câu 1: Tại sao trong cuộc sống mỗi người đều cần giữ chữ tín? Em hãy giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ *"Nói lời phải giữ lấy lời, đừng như con bướm đậu rồi lại bay"*.

Câu 2: Q và H phát hiện mấy thanh niên lấy trộm cổ vật trong ngôi chùa của làng.Q rủ H đi báo công an nhưng H từ chối và nói:"Việc đó nguy hiểm lắm, nếu họ biết mình tố cáo sẽ trả thù chúng mình đấy!".

Nếu là Q, em sẽ làm gì?

Câu 3: Gần đây, An bước vào tuổi dậy thì có nhiều thay đổi, giọng nói to và khàn, vóc dáng cao, khuôn mặt đầy mụn khiến bạn tự ti, ngại giao tiếp. Lúc nào An cũng cảm thấy mệt mỏi, bồn chồn, bất an và cảm thấy bản thân thật vô dụng.

a. Biểu hiện của tâm lí căng thẳng ở bạn An? Nguyên nhân gây ra căng thẳng của An là gì?

b. Nếu là bạn của An, em sẽ làm gì để giúp An vượt qua trạng thái căng thẳng này?

Câu 4: G là học sinh giỏi của lớp, L là một học sinh trung bình, lại thường quậy phá, trốn học. Kì thi gần tới, L cùng nhóm bạn xấu đã lập hội đe doạ, muốn G phải cho mình chép bài và chuyển đáp án cho cả nhóm. G cảm thấy rất căng thẳng. Bạn không thể tập trung học được, thường giật mình lúc ngủ, mỗi khi đến trường lại bị đổ mồ hôi tay và trán. Cuối cùng, G đã tìm đến phòng tư vấn tâm lí học đường của trường để được hỗ trợ giải toả tâm lí và tìm ra giải pháp phù hợp, an toàn nhất.

a) Hãy nêu những biểu hiện của G khi bị căng thẳng.

b) Bạn G đã ứng phó với tâm lí căng thẳng như thế nào?

Câu 5: Lớp của H chuẩn bị tham gia biểu diễn văn nghệ chào mừng ngày Quốc khánh. Các bạn thảo luận sẽ chọn trang phục áo dài và biểu diễn tiết mục múa. Khi lớp trưởng phổ biến kế hoạch, H phản đối vì cho rằng thời hiện đại rồi thì nên chọn trang phục biểu diễn là váy.

Nếu là bạn của H em sẽ khuyên H như thế nào?

GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1:

***** Giữ chữ tín là coi trọng, giữ gìn niềm tin của mọi người đối với mình.

- Chúng ta cần giữ chữ tín để nhận được sự tin tưởng, tôn trọng, hợp tác dễ thành công hơn trong cuộc sống và góp phần làm cho các mối quan hệ xã hội trở nên tốt đẹp hơn.
- Việc không giữ chữ tín khiến chúng ta làm mất niềm tin của những người xung quanh.

***** Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ:

"Nói lời phải giữ lấy lời": không được thay đổi, không được lật lọng, trước nói thế nào thì sau phải làm đúng như thế, luôn luôn lấy chữ tín làm đầu, biết coi trọng và đề cao chữ tín.

"Đừng như con bướm đậu rồi lại bay" là một hình ảnh diễn tả bướm đi tìm hoa, hút nhụy hoa, bay và đậu từ bông hoa này qua bông hoa khác. "Đừng" nghĩa là chớ, không nên làm như thế. Mượn hình ảnh bướm tìm hoa, nhân dân ta phê phán một thái độ tuỳ tiện, vô trách nhiệm trước lời nói của mình.

Câu tục ngữ nhắc nhở mọi người cần: phải có ý thức, có trách nhiệm trước lời nói của mình, phải biết lấy chữ tín làm đầu, không được hứa suông hứa liều; phải làm đúng, thực hiện đúng điều đã nói và đã hứa.

Câu 2: Khuyên bạn H cùng mình đi báo công an hoặc có thể báo người lớn trong thôn xóm biết để ngăn chặn, xử lí việc làm sai trái của những thanh niên lấy trộm cổ vật trong ngôi chùa, vì việc làm của các thanh niên trong tình huống này là phá hoại di sản văn hoá ở địa phương mình.

Câu 3:

a, Biểu hiện của tâm lí căng thẳng diễn ra ở An: mệt mỏi, bồn chồn, bất an và cảm thấy bản thân thật vô dụng.

* Nguyên nhân gây ra căng thẳng: sự thay đổi về vóc dáng, giọng nói, gương mặt…

b. Nếu là bạn của An, em sẽ khuyên bạn:

- Viết nhật kí.
- Lập kế hoạch học tập, ăn uống, nghỉ ngơi, rèn luyện sức khỏe một cách khoa học và vừa sức.
- Tìm sự trợ giúp của chuyên gia tư vấn tâm lí, bác sĩ tâm lí.

Câu 4:

a) Biểu hiện của G khi bị căng thẳng: không thể tập trung học được, thường giật mình lúc ngủ, mỗi khi đến trường lại bị ra mồ hôi tay và trán.

b) Cách ứng phó của G: tìm sự giúp đỡ từ phòng tư vấn tâm lí học đường của trường.

Câu 5: Khuyên H nên chọn áo dài truyền thống để tham gia biểu diễn văn nghệ chào mừng ngày Quốc khánh vì nó phù hợp với điệu múa dân tộc và góp phần bảo tồn, phát triển giá trị của áo dài truyền thống.

E. MÔN MỸ THUẬT

BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ, ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I VÀ TIÊU CHÍ, HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI MÔN MĨ THUẬT 7

1. BẢN ĐẶC TẢ:

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật ứng dụng	***Yếu tố và nguyên lí tạo hình*** Lựa chọn, kết hợp: *Yếu tố tạo hình* – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. *Nguyên lí tạo hình* – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. ***Thể loại*** Lựa chọn, kết hợp: – Thiết kế đồ hoạ – Thiết kế thời trang ***Hoạt động thực hành và thảo luận*** *Thực hành* – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D. *Thảo luận.* – Sản phẩm thực hành của học sinh. ***Định hướng chủ đề*** Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội.	**Nhận biết:** – Nêu được tính chất đặc điểm về hình dáng, họa tiết, màu sắc đặc trưng của 1 số loại mặt nạ – Biết được một số kĩ thuật cơ bản tạo nên sản phẩm mặt nạ – Xác định được phong cách chủ đạo, ngôn ngữ thiết kế sử dụng trong sản phẩm, tác phẩm. **Thông hiểu:** – Hiểu được sự phù hợp của sản phẩm mặt nạ với những đối tượng sử dụng khác nhau. – Biết chọn lọc giá trị thẩm mĩ của nghệ thuật truyền thống cho ý tưởng thiết kế mặt nạ. – Phân tích được ý tưởng thẩm mĩ của sản phẩm, tác phẩm mặt nạ **Vận dụng:** – Sao chép, mô phỏng và phát triển được sản phẩm mặt nạ dựa theo mẫu có sẵn.

		– Vận dụng được nhịp điệu của hoa văn, hoạ tiết vào thiết kế sản phẩm mặt nạ. – Hoàn thiện được sản phẩm sẵn sàng cho việc trưng bày hoặc triển lãm, bán hàng. **Vận dụng cao:** – Cải tiến và tạo ra mặt nạ từ vật liệu tái chế - Liên hệ ứng dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn và biết chia sẻ trách nhiệm của HS trong việc góp phần giữ gìn và bảo vệ môi trường, di sản mĩ thuật, phát huy nét đẹp văn truyền thống quê hương, đất nước.

2. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA: (Thời gian: 45’)

a) Nội dung

Câu 1: Em hãy tạo dáng và trang trí một sản phẩm mặt nạ theo ý thích.

Câu 2: Viết một số thông tin giới thiệu về sản phẩm. (Tên sản phẩm, chất liệu, yếu tố ứng dụng được thể hiện trên sản phẩm,...)

Câu 3: Em hãy sáng tạo hoạ tiết trang trí theo ý thích.

Câu 4: Viết một số thông tin về sản phẩm.

Câu 5: Em hãy vẽ một bức tranh trong chương trình đã học.

Câu 6: Viết một số thông tin về sản phẩm.

b) Yêu cầu

- Hình thức: Tạo hình 2D hoặc 3D (Lựa chọn kết hợp vẽ, xé dán hoặc cắt ghép từ những vật liệu có sẵn, tái chế…)
- Chất liệu: Lựa chọn kết hợp các loại màu vẽ, giấy màu, bìa cát tông, đất nặn và các chất liệu khác sẵn có.
- Đồ dùng: Lựa chọn màu vẽ, bút vẽ, kéo, hồ dán , keo nến, vật liệu tái chế….
- Kích thước: Tùy chọn

3. PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Biết được một số kĩ thuật cơ bản tạo nên sản phẩm.
2. Biết chọn lọc giá trị thẩm mĩ của nghệ thuật truyền thống cho ý tưởng.
3. Phân tích được ý tưởng thẩm mĩ của sản phẩm, tác phẩm.
4. Sao chép, mô phỏng và phát triển được sản phẩm dựa theo mẫu có sẵn.

5. Liên hệ ứng dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn và biết chia sẻ trách nhiệm của HS trong việc góp phần giữ gìn và bảo vệ môi trường, di sản mĩ thuật, phát huy nét đẹp văn truyền thống quê hương, đất nước.

*** Hướng dẫn xếp loại**

- Mức Đ: Học sinh đạt được ít nhất 03 tiêu chí (1, 2, 3), 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc 5 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5).
- Mức CĐ: Học sinh chỉ đạt 01 (tiêu chí 1 hoặc 2), 02 tiêu chí (tiêu chí 1 và 2) trong 5 tiêu chí.

F. MÔN ÂM NHẠC

1. Ôn bài hát:

+ Ước mơ mùa khai trường - Sáng tác: Phạm Chỉnh
+ Đi cấy - Dân ca Thanh Hóa
+ Bài học đầu tiên - Sáng tác: Trương Xuân Mẫn
+ Điều em muốn - Sáng tác: Trương Quang Lục

*** Nội dung ôn tập**:

- Học sinh hát thuộc lời ca, đúng giai điệu, cao độ, trường độ, diễn cảm bài hát.
- Hát kết hợp bài hát với thể hiện gõ đệm tiết tấu và gõ đệm bằng động tác cơ thể.

2. Ôn Bài đọc nhạc:

+ Bài đọc nhạc số 1 - Trích bài hát "Ước mơ mùa khai trường".
+ Bài đọc nhạc số 2 - "Lí con sáo Gò Công".
+ Bài đọc nhạc số 3 - Trích bài hát "Bài học đầu tiên".
+ Bài đọc nhạc số 4 - "Alouette"

*** Nội dung ôn tập:**

- Học sinh đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ, đúng nhịp phách các bài đọc nhạc.
- Đọc nhạc kết hợp gõ đệm (tiết tấu, nhịp, phách) hoặc đánh nhịp.

3. Ôn tập Nhạc cụ - Hòa tấu: (khuyến khích học sinh kết hợp thể hiện)

+ Bài hòa tấu số 1 - Trích bài đọc nhạc số 1 "Ước mơ mùa khai trường".
+ Bài hòa tấu số 2 - Trích bài đọc nhạc số 2 "Lí con sáo Gò Công".
+ Bài hòa tấu số 3 - Trích bài đọc nhạc số 3 "Bài học đầu tiên".
+ Bài hòa tấu số 4 - Trích bài đọc nhạc số 4 "Alouette"

*** Nội dung ôn tập:**

- Học sinh thể hiện đúng mẫu tiết tấu, kết hợp chơi được bài hòa tấu.

----------HẾT----------

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI LỚP 8

NĂM HỌC 2022 – 2023

A.MÔN NGỮ VĂN

Phần I: Văn bản

Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính	Ý nghĩa	Nghệ thuật

Phần II: Tiếng Việt

1. Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ là gì? Cho ví dụ .
2. Trường từ vựng là gì? Cho ví dụ.
3. Từ tượng hình, từ tượng thanh. (khái niệm, tác dụng)
4. Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội (khái niệm, lưu ý khi sử dụng)
5. Trợ từ, thán từ (khái niệm, ví dụ)
6. Tình thái từ: (khái niệm, phân loại)

Phần III: Làm văn

HS tập trung ôn tập 2 kiểu bài: Văn tự sự, Văn thuyết minh

1. Khái niệm, phương pháp, dàn ý trong văn thuyết minh
2. Luyện tập kiểu bài: Thuyết minh về một thứ đồ dùng (GV tự cho HS đề ôn luyện)

B.MÔN TIẾNG ANH

I. THEORY:

1. Verbs of liking:

- Jack **hates** **doing** the same things every day.

- I **love** **playing** football with my friends. Or: - I **love** **to play** football with my friends.

Form:	**S + verbs of liking** + **V-ing/to-V** (adore/love/like/enjoy/prefer/fancy/feel like/dislike/hate/detest/mind...)

E.g: - They **enjoy** gardening in their free time.

Notes : Với một số động từ,động từ thứ 2 theo sau có thể hoặc V-ing hoặc to-V mà không có sự thay đổi nhiều về nghĩa : **Like, love , hate ,prefer ,dislikes…..**

2. Comparative forms of adjectives and adverbs

a. Comparative forms of adjectives

- This book is cheap**er than** that book. - That book is **more** expensive **than** this one.

Form:	S1 +	be	short adj +**er**	**than**	**S2 (be).**
			more/less+ long adj		**O.**

Use: - Dùng để so sánh sự khác biệt giữa **hai** người, hai vật...

- Đối với tính từ dài (2 âm tiết trở lên) ta thêm "**more**" trước adj, với adj ngắn (1 âm tiết) ta thêm "**er**".

b. Comparative forms of adverbs.

- He runs fast**er than** Mai. - Mai runs **more** slowly **than** him/ he does.

Form:	S1 + V	short adv +**er** **more/less**+long adv	**than**	**S2 (auxi.V). O.**

E.g: - Mr Green drives **less** carefully **than** her/she does. - She can type **better than** him.

Use: - Dùng để so sánh sự khác biệt giữa **hai** người, hai vật với nhau.

- Đối với trạng từ dài (2 âm tiết trở lên) ta thêm "**more:** hơn" hoặc "**less**: kém hơn"trước adv, với adv ngắn (1 âm tiết) ta thêm đuôi "**er**".

Note: Đối với adv có 2 âm tiết,kết thúc bằng "**-ly**" luôn là trạng từ dài. E.g: quietly → more quietly

Ngoại trừ: Trạng từ "early" được xem là trạng từ ngắn. E.g: early → earlier

Special cases (Trường hợp đặc biệt)

Adj - Adv (Tính từ,trạng từ)	**Comparative** (So sánh hơn)	**Superlative** (So sánh cao nhất)
1. good – well : tốt	better: tốt hơn	the best
2. bad – badly: tồi,xấu	worse: tồi	the worst
3. many/ much : nhiều	more : hơn	the most
4. little : ít	less : ít hơn	the least
5. far : xa	farther/further : xa hơn	The farthest/the furthest

3. Questions review.

a. Wh/H-questions:Review

Who: ai	**Where**: ở đâu	**Why**: tại sao	**How**: như thế nào	**How** long:bao lâu
What: cái gì	**Whom**: ai	**QUESTION WORDS (Từ để hỏi)**		**How** often: bao lâu một lần
Which:cái,người nào	**When**: khi nào	**Whose**: của ai	**How far**: bao xa	**How** many/much: bao nhiêu

4. Advice review 'should/shouldn't'

- You're very fat. You **shouldn't** eat too much.
- Lan is very ill. She **should** stay in bed for a few days.

Form:	S	**should**: nên	+ **V**…
		shouldn't (should not): không nên	

E.g: - It's raining very hard. I think you **should not** go out now.

Use: Ta dùng '**should/shouldn't**: nên/không nên' nhằm diễn tả lời khuyên ai đó nên hoặc không nên làm gì.Sau động từ tình thái '**should/shouldn't**' động từ ở dạng nguyên thể không 'to'.

5. 'Have to' to express obligation or necessity ('**have to**' diễn tả sự bắt buộc hoặc sự cần thiết)

- She **has to** wear that costume because it's the family tradition.
- I **will have to** cook dinner tomorrow because my mother is away.

Form:	S (I/We/You/They)	**have to**	+**V**…
	S (He/She/It)	**has to**	

Use: - Ta dùng '**have to/has to**' để diễn tả sự bắt buộc từ ngoại cảnh như nội quy,quy định,luật,luật pháp hoặc sự cần thiết phải làm gì.

6. Simple sentences and compound sentences: Review

Simple sentences	Compound sentences
Eg: Tom enjoys going fishing in his free time. -Câu đơn là câu có một mệnh đề độc lập (có 1 thành phần chủ vị: S-V). **Note:** Câu dưới đây vẫn là một câu đơn vì nó vẫn chỉ có một mệnh đề. - My mother and I go shopping every weekend.	E.g: - He watched TV and his sister cooked dinner yesterday. -câu ghép là câu chứa từ 2 mệnh đề độc lập trở lênvà được nối với nhau bởi các từ nối **and**,**but**,**or**,**so,yet** hoặc các trạng từ nối:**nevertheless,however,moreover, therefore, otherwise.**

7. Complex sentences (Câu phức)

- **While** the elephants are racing, people cheer to encourage them.

dependent clause **independent clause**

Câu phức là câu gồm có 1 mệnh đề độc lập và một hoặc hơn một mệnh đề phụ thuộc. Mệnh đề phụ thuộc có thể đứng trước hoặc đứng sau mệnh đề độc lập.

Mệnh đề độc lập bằng các liên từ sau: **when,while,because/as,although,even though,though**,**if,unless.**

Note: Nếu mệnh đề phụ thuộc đứng trước mệnh đề độc lập thì nó được theo sau bởi dấu phẩy.

8. Pronunciation

1. The clusters (Cụm phụ âm): : /pr/ and / br/

-Cách đọc: /br/ = /b/ + /r/ .Eg : **Br**ide , **Br**acelet , **Br**ing…. ; **Cách đọc**:/pr/=/p/+/r/. Eg : **Pr**etty, **Pr**ay.

2. The clusters: /bl/ and /cl/

-Cách đọc: /bl/ = /b/ + /l/ .Eg : **bl**ack , **bl**ow…. **Cách đọc**: /cl/ = /k/ + /l/ . Eg : **Cl**ose , **Cl**ass…

3. The clusters: /sk/, /sp/ and **/st/.**

-Cách đọc: /sk/ : **Sk**i ; **Sk**y ; **Sk**ill…; /**sp**/ : **sp**oon ; **sp**end..... ; /**st**/ : **st**amp ; **st**ill….

4.The clusters: /spr/ and **/str/.**

-Cách đọc: /**spr**/= s+p+r. Eg : **spr**ing ; new**spr**int….

-Cách đọc: /**str**/= s+t+r. Eg : **str**eet , **str**ange…

9. Stress

- Stress in words ending in ion and ian.

-Với những từ kết thúc hậu tố "ion" hoặc "ian" thì trọng âm rơi trước hậu tố.

-Eg:commemo'ration; vege'tarian.

II. PRACTICE:

PART I – LANGUAGE FOCUS

I. Multiple choice questions:

Circle A, B, C or D before the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others.

1. A. county B. economy C. ceiling D. cover
2. A. forest B. celebrate C. explain D. ceremony

Circle A, B, C or D which has a different stress pattern from the others.

3. A. politician B. competition C. technology D. vegetarian
4. A. confusion B. musician C. attention D. scenery

Circle A, B, C or D before the word or phrase which best completes each sentence.

5. Gathering and hunting still play an important role in the.....of the Laha.

A. economy B. economic C. economical D.economize

6. We have the custom .....spending Sunday together.

A. on B. of C. in D. With

7. My mother .....work on Sundays, so she often visits my grandparents.

A. mustn't B. must C. doesn't have to D. has to

8. A: My mother loves cooking. She made lots of specialities.

B: "……"

A. Yes, it's right up my street B. exactly C. How interesting!

D. That's awesome!

Mark letter A, B, C, or D to indicate the part is incorrect.

9. You have to take on your shoes when going inside the main worship areas.

A. have to B. on C. inside D. worship

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word(s)in each of the following questions.

10. The witch was very **cruel** to the princess.

A. fierce **B.** greedy **C.** kind **D.** wicked

II. Put the verb or word in the correct tense or form.

1. Some trees _____in my garden yesterday. (**plant**)
2. _____ you ever _____ a buffalo? **(ride)**
3. She enjoys _____ around the lake. **(run)**
4. He made a talk show_____ while introducing his book. **(appear)**
5. Kimchi is a _____ Korean dish. (**tradition**)

PART II: READING COMPREHENSION

I. Choose the letter A, B, C or D to complete the passage below

Situated in Huong Son Site, Hanoi, Huong Pagoda complex is considered _____ (1) one among centers of Buddhism in Vietnam. Huong Pagoda Festival is a Buddhist festival held annually and lasts three months, _____ (2) the 6th day of Lunar New Year to the 6th day of the third lunar month in the year.

Huong Pagoda Festival is very different from other traditional festivals in Vietnam that recreational activities aren't central part of the festival. Each year, thousands visitors from all regions in the country and foreign tourists as well _____ (3) to Huong Pagoda at the time of festival. However, their aim is to visit scenic setting of Huong Pagoda (so-called Huong Son Pagoda) and pray for themselves and their family

When _____ (4) Huong Pagoda, everyone brings a lavish tray of sacrifice to offer Buddha, who is worshipped at Huong Tich Pagoda. After an incense-offering liturgy, each will eat a piece of their sacrifice in order _____ (5) luck from Buddha. Visiting Huong Pagoda Festival and visiting pagodas in general have become a beautiful custom of Vietnamese people in the beginning of Lunar New Year.

1.	A. like	B. as	C. with	D. by
2.	A. from	B. to	C. of	D. on
3.	A. going	B. goes	C. went	D. go
4.	A. visit	B. visits	C. visiting	D. to visit
5.	A. to receive	B. receive	C. receiving	D. received

II. Choose the letter A, B, C or D to answer these following questions

"The Beauty and the Beast" is a heartfelt story about true love which transforms the Beast into a prince. The fairytale starts with a young girl who lived with her father and two sisters. They lived a good life in a big house but due to some unfortunate turn of events her father lost all his money. They were forced to move

into a smaller house. The two sisters kept on grieving for their former life and Beauty kept her sadness for herself and tried her best to help her family.

One day the father found out there is a slight chance he could get back a part of his fortune when one of the ships got back. The two sisters demanded all sorts of thing but Beauty just wanted a single rose. On his way home, the father got lost and wandered into the Beast's castle. The Beast let him go under the condition of him sending one of his daughters to the castle.

Beauty's life in the castle was pleasant. She had her room and she was served. Unhappy about his appearance, the Beast never appeared. Beauty only heard his voice. As time passed by they started to love each other. One day, the Beast let her go home to look after her sick father. While she was taking care of her father, she had a dream about Beast dying. When she came back to the palace she found the Beast ill in his bed. She didn't want him to die and she told him she'll marry him.

Beast disappeared all of the sudden and its place was taken by a beautiful prince. He told her all about a fairy enchanting him and how the spell could have only been broken by a girl falling in love with him. After her father got better, they threw a wedding and then they all lived happily ever after.

1. Why did the Beauty's family have to live in a smaller house?

A. There was a flood B. The father's business got bad

C. The mother passed away D. Their money was stolen

2. What did Beauty want her father to bring home?

A. a rose B. a necklace C. a ring D. a dress

3. How was Beauty's life in the castle?

A. unhappy B. worried C. pleasant D. angry

4. Why did the Beauty decide to marry the Beast?

A. She didn't want him to die B. She was afraid of him

C. She missed her father D. The Beast forced her to say that.

5. Did the Beast turn into a prince?

A. Yes, he did. B. No, he didn't. C. Yes, he didn't. D. No, he did.

PART III – WRITING

I. Finish the second sentence in such a way that its meaning is similar to that of the original one.

1.Sebastien is a French, but he plays Vietnamese folk games well. (although)

Although _____

2.She likes to hang out with friends on Saturday evening.

She's interested _____

3.*Sleeping Beauty* is not as interesting as *Beauty and the Beast*.

Beauty and the Beast is _____

4.It's good for us to keep our traditional customs. (should)

_____

5. I've been learning English for three years. (started)

I_____

II. Make sentences using the words given:

1. How many/ elephant/ joined/ elephant race/ March 12 / Lak District?

_____

2. Today's children/ hardly/ listen/ story/ their elder/ because/ they/ be/ live/ the digital era.

_____

3. Hue/ far/ from/ Hanoi, /but/ Peter/ often/ travel/ Hanoi /motorbike.

_____

4. The English teacher/ teach/ our school/ three/ year.

_____

5. Do/ we/ have /follow/ tradition/ clean/ house/ before/ Tet?

_____

C. MÔN LỊCH SỬ

I. Một số gợi ý phần trắc nghiệm khách quan:

1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921-1941)

2. Châu Âu và nước Mĩ giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới (1918-1939)

3. Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất(1918-1939) Và Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)

B. Một số câu hỏi gợi ý phần tự luận:

Câu 1: Tình hình nước Mĩ trong thập niên 20 của thế kỉ XX. Nguyên nhân phát triển kinh tế của Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 2: Nêu nguyên nhân bùng nổ của chiến tranh thế giới thứ nhất. Em có suy nghĩ gì về chiến tranh đối với xã hội loài người?

Câu 3: Vì sao cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 được đánh giá là một sự kiện lịch sử vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại ở thế kỉ XX?

Câu 4: Tổng thống Mĩ Ph.Ru- đơ- ven- tổng thống mới đắc cử cuối năm 1932 đã thực hiện *Chính sách mới*. Nội dung chính sách mới là gì? *Chính sách mới* đã giải quyết được vấn đề gì cho nước Mĩ?

*** Gợi ý trả lời phần tự luận**

Câu 1:Tình hình nước Mĩ trong thập niên 20 của thế kỉ XX:

*** Kinh tế**

- Nước Mĩ bước vào thời kì phồn vinh trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại và tài chính số 1 thế giới

+ Công nghiệp tăng 69 %, chiếm 48% sản lượng công nghiệp thế giới
+ Đứng đầu thế giới về công nghiệp ôtô, đầu lửa, thép, nắm 60% trữ lượng vàng thế giới

*** Xã hội**

+Có sự phân biệt kẻ giàu người nghèo, phân biệt chủng tộc
+Phong trào đấu tranh của công nhân phát triển
+Tháng 5 – 1921 Đảng cộng sản Mĩ được thành lập

*** Nguyên nhân phát triển kinh tế của Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ nhất**

+ Cải tiến kĩ thuật
+ sản xuất dây chuyền
+ Tăng cường độ lao động và bóc lột nhân dân
+ Không bị ảnh hưởng bởi hai cuộc chiến tranh thế giới
+ giàu tài nguyên thiên nhiên

Câu 2: Nguyên nhân bùng nổ của chiến tranh thế giới thứ nhất

**** Nguyên nhân sâu xa:***

- Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc.
- Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa ngày càng gay gắt là nguyên nhân cơ bản dẫn đến chiến tranh.

**** Nguyên nhân trực tiếp:***

- Sự hình thành hai khối quân sự đối lập, kình địch nhau: khối Liên minh (Đức, Áo - Hung, I-ta-li-a) và khối Hiệp ước (Anh, Pháp, Nga).
- Duyên cớ: Ngày 28-6-1914, Thái tử Áo-Hung bị một phần tử khủng bố ở Xéc-bi ám sát. Quân phiệt Đức, Áo-Hung chớp lấy cơ hội này để gây chiến tranh.

*** Suy nghĩ về chiến tranh:**

- Sự tàn phá, hủy diệt, thiệt hại về người và của cho toàn nhân loại
- Chiến tranh không đem lại hạnh phúc cho nhân loại trên toàn thế giới.
- Cần phải lên án, đấu tranh đẩy lùi nguy cơ chiến tranh.

Câu 3: **Cách mạng tháng Mười Nga 1917 được đánh giá là một sự kiện lịch sử vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại ở thế kỉ XX vì:**

- Cách mạng tháng Mười đưa đến việc thành lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, có ý nghĩa to lớn đối với nước Nga và thế giới.

+ Đối với nước Nga: sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã đưa nhân dân lên nắm chính quyền ở một nước chiếm 1/6 diện tích thế giới.
+ Đối với thế giới: có ảnh hưởng đến phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa và phụ thuộc

Câu 4: **Nội dung Chính sách mới là:**

- Các biện pháp giải quyết nạn thất nghiệp, phục hồi sự phát triển của các ngành kinh tế- tài chính
- Ban hành các đạo luật phục hưng công nghiệp, nông nghiệp và ngân hàng dưới sự kiểm soát của nhà nước
- Nhà nước tư sản tăng cường vai trò của mình trong việc cải tổ hệ thống ngân hàng, tổ chức lại sản xuất, tạo thêm việc làm, ổn định tình hình xã hội.

**Chính sách mới* đã kịp thời giải quyết được hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mĩ, đưa nền kinh tế Mĩ nhanh chóng phục hồi và phát triển. Giải quyết việc làm cho người lao động trong thời điểm đó và góp phần làm cho nước Mĩ duy trì được chế độ dân chủ tư sản,

D. MÔN ĐỊA LÍ.

I, Lý thuyết:

-Ôn tập kiến thức về khu vực Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á:

+ Vị trí, đặc điểm tự nhiên và kinh tế của khu vực

+ Trình bày và giải thích được một số đặc điểm của khu vực

+ Vận dụng giải quyết tình huống thực tiễn

II, Bài tập:

- Ôn tập dạng bài vẽ biểu đồ (biểu đồ tròn, biểu đồ cột) và nhận xét

Đ. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. Trắc nghiệm: HS cần nắm được:

- Biểu hiện, ý nghĩa và những điều cần chú ý về vấn đề tôn trọng, học hỏi các dân tộc khác.
- Thế nào là cộng đồng dân cư và xây dựng nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư.
- Nhận biết và phân biệt được những biểu hiện của tự lập/ không tự lập trong cuộc sống.
- Hiểu được thế nào là lao động tự giác và sáng tạo; các biểu hiện của lao động tự giác, sáng tạo.

II. Tự luận:

Câu 1: Nhóm bạn của Hoan có 7 bạn cả nam lẫn nữ, cùng chơi với nhau từ hồi lớp 7. Các bạn trong nhóm rất quan tâm đến nhau, có gì cũng chia sẻ, không có sự phân biệt đối xử nên rất vui và thoải mái. Ngoài giờ học, thỉnh thoảng các bạn rủ nhau ra công viên, đi thăm các danh lam thắng cảnh… Hoan rất quý và tin các bạn. Hoan cũng tự hào về tình bạn của mình.

Vì sao Hoan tự hào về tình bạn của mình?

Câu 2: ***Cho tình huống sau:***

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

Trong học tập, bạn Ái quen thói không chịu tìm hiểu thấu đáo bài học, gặp bài làm hơi khó thường lười suy nghĩ, hay hỏi người khác, trong lớp thường ít phát biểu ý kiến, hay nói theo các bạn khác, hay chép bài làm của các bạn.

a. Em có ý kiến gì về thái độ và cách học tập của bạn Ái?

b. Nếu là bạn học của Ánh, em sẽ làm gì để giúp bạn?

c. Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì?

Câu 3: Hồi lớp 7, Vân chơi thân với một bạn trai ở lớp tên là Tuấn. Tình bạn của hai người hoàn toàn vô tư, trong sáng. Vậy mà nhiều bạn lại xì xào sau lưng Vân: *"Làm gì có chuyện bạn khác giới mà lại chơi vô tư ",* khiến hai bạn mất tự nhiên và Vân ngại không muốn chơi với Tuấn nữa.

a/ Theo em, suy nghĩ của các bạn ở lớp Vân có đúng không ? Vì sao ?

b/ Tuấn nên làm thế nào để giữ được tình bạn trong sáng với Vân ?

GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Hoan tự hào về tình bạn của mình vì đó là tình bạn trong sáng, lành mạnh. Các bạn không toan tính, không vụ lợi, mà vô tư, lành mạnh.

Câu 2:

a. Thái độ học tập của Ái là sai lầm, có nhiều thiếu sót, chưa tự lập. Bạn lười suy nghĩ, thụ động lười trình bày, lười phát biểu xây dựng bài, ngại trình bày ý kiến thì rất khó học hành tiến bộ.

b. Học sinh đưa ra cách giải quyết tình huống hợp lí:

- Khuyên bạn chăm chỉ, tự giác học tập.
- Động viên bạn hăng hái tham gia phát biểu.
- Giảng cho bạn những bài khó, …

c. Học sinh rút ra bài học về đức tính tự lập.

Câu 3:

a/ Suy nghĩ của các bạn Vân là sai, bởi vì:

HS nêu khái niệm, đặc điểm của tình bạn trong sáng, lành mạnh;

- Tình bạn là tình cảm gắn bó giữa hai hoặc nhiều người trên cơ sở hợp nhau về tính tình, sở thích hoặc có chung xu hướng hoạt động, có cùng lí tưởng sống, …
- Tình bạn trong sáng, lành mạnh có những đặc điểm cơ bản sau:

+ Phù hợp với nhau về quan niệm sống;

+ Bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau;

+ Chân thành, tin cậy và có trách nhiệm đối với nhau;

+ Thông cảm, đồng cảm sâu sắc với nhau;

+ Tình bạn trong sáng, lành mạnh có thể có giữa những người cùng giới hoặc khác giới → trong tình bạn, không có sự phân biệt giới tính.

b/ Để giữ được tình bạn trong sáng, lành mạnh, Tuấn nên cư xử đúng mực, đồng thời động viên Vân để giữ lại tình bạn trong sáng, lành mạnh.

E. MÔN MỸ THUẬT

1/ Vẽ tranh đề tài: Ước mơ của em.

2/ Vẽ tranh đề tài: Cảnh đẹp quê hương

3/ Vẽ tranh đề tài: Mẹ của em.

Gợi ý

- Đúng nội dung: 2 điểm
- Bố cục chặt chẽ, có mảng chính, phụ : 2 điểm
- Hình vẽ sinh động: 3 điểm
- M àu sắc phù hợp nội dung: 3 điểm

F. MÔN ÂM NHẠC

1. Ôn tập bài hát:

+ Mùa thu ngày khai trường - Sáng tác: Vũ Trọng Tường
+ Lí dĩa bánh bò - Dân ca Nam Bộ
+ Tuổi hồng - Sáng tác: Trương Quang Lục
+ Hò ba lí - Dân ca Quảng Nam

*** Nội dung ôn tập:** Học sinh học thuộc và hát đúng nhạc, đúng giai điệu, cao độ, trường độ, diễn cảm, đúng nhịp phách kết hợp với gõ đệm bài hát.

2. Ôn tập Tập đọc nhạc:

+ Tập đọc nhạc số 1 "Chiếc đèn ông sao".
+ Tập đọc nhạc số 2 "Trở về Su-ri-en-tô".
+ Tập đọc nhạc số 3 "Hãy hót – chú chim nhỏ hay hót".
+ Tập đọc nhạc số 4 "Chim hót đầu xuân".

***Nội dung ôn tập:**

- Học sinh đọc đúng giai điệu, cao độ, trường độ, đúng nhịp phách và thuộc lời ca các bài TĐN kết hợp với gõ đệm.

----------**HẾT**----------

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI LỚP 9

NĂM HỌC 2022 – 2023

A. MÔN NGỮ VĂN.

I. HỆ THỐNG KIẾN THỨC

Phần I: Văn bản

Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính	Ý nghĩa	Nghệ thuật

Phần II: Làm văn

- Nghị luận xã hội về một hiện tượng sự việc đời sống.
- Nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lý
- Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ
- Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

II. CẤU TRÚC ĐỀ

1. Phần đọc hiểu (3,0 điểm) - Ngữ liệu ngoài SGK

*** Câu 1 (1.0 điểm)** Trích xuất thông tin.

*** Câu 2 (2.0 điểm)** Hiểu được ý nghĩa của chi tiết/ hình ảnh/ câu văn/câu thơ,... trong đoạn trích/ văn bản.

2. Phần làm văn (7.0 điểm)

*** Câu 3. (7.0 điểm)** Viết bài văn nghị luận về một đoạn truyện hoặc một đoạn thơ

B.MÔN TIẾNG ANH

PHẦN I – LÝ THUYẾT

A. Grammar:

I. Complex sentences: Adverb clauses of purpose, reason, concession, and time.

1. Adverb Clause of Time: S1 V1 + when/ while/ after/ before/ since/ as/… + S2 V2.

When you have finished your work, you may leave.

Don't talk loud while she is singing.

2. Adverb Clause of Purpose: S1 V1 + so that/ in order that + S2 V2.

I will give you a map so that you can find the way.

3. Adverb Clause of Reason: S1 V1 + because/ as/ since + S2 V2.

Since you are so clever you will be able to explain this.

Because I like you, I shall help you.

4. Adverb Clauses of Concession: S1 V1 + though/ although/ even though + S2 V2.

Even though he is old, he is able to do a great deal of work.

II. Phrasal verbs

1. set up: thành lập 2. bring out: xuất bản, phát hành 3. Look through: nhìn 4. look through: đọc 5. keep up with: bắt kịp với 6. run out of: hết 7. pass down: chuyển giao 8. Live on: sống nhờ vào 9. close down: đóng cửa, dừng (kinh doanh) 10. Deal with : giải quyết	11. get on with: thân thiết với 12. turn down: phản đối, từ chối 13. face up to (with) = deal with : đồng ý, đối mặt 14. set off: khởi hành 15. turn up: xuất hiện, đến 16. take over: đảm đương, đảm nhận 17. find out: tìm thông tin 18. pull down: phá dỡ …

III. Comparison of adjectives and adverbs

1. Equality (So sánh bằng)

S + V + as + adj/adv + as + N/pronoun

S + V + not + so/as + adj/adv + N/Pronoun

2. Comparative (So sánh hơn)

Short Adj:S + V + adj/adv + er + than + N/pronoun

Long Adj: S + V + more + adj /adv + than + N/pronoun

3. Superlative (So sánh nhất)

Short adj/adv: S + V + the + adj/adv + est + N/pronoun

Long adj/adv :S + V + the most + adj + N/pronoun. / S + V + the most + adv.

IV. Reported speech

A. Statements in reported speech (Câu hỏi trong lời nói gián tiếp):

S1 + said (to O) / told O that + S2 + V2 (luì thì)

B. Questions in reported speech (Câu hỏi trong lời nói gián tiếp)

2. 1 . Yes-No question (Câu hỏi Yes-No)

S1 + asked (O) + if/whether +S2 + V2 (luì thì)

2. 2. WH-questions (Câu hỏi Wh-)

S1 + asked (O) + wh-word + S2 + V2 (luì thì)

V. Question words before to-inf.

S1 + Verb + how/ what/ when/ where/ which/ who/ whom + to V.

Những động từ sử dụng công thức này là: ask, decide, discover, find out, forget, know, learn, remember, see, show, think, understand, want to know, wonder, have no idea, …

Example:

I didn’t know where to buy cheap fruit. (Tôi không biết nơi nào để mua hoa quả rẻ.)

I showed her which button to press. (Tôi chỉ cho cô ấy phải ấn nút nào.)

VI. Used to: Review

Used to + Verb: Đã từng, từng

Chỉ một thói quen, một hành động thường xuyên xảy ra trong quá khứ và bây giờ không còn nữa.

Eg: I used to drive to work but now I take the bus.

VII. Wishes for the present.

S + wish + S + V-ed.

Chú ý: - Động từ "wish" chia theo thì và chia theo chủ ngữ

- Động từ chính trong mệnh đề sau "wish" chia thì quá khứ đơn
- Động từ "to be" có thể chia là "were" với tất cả các chủ ngữ trong câu ước.
- Khi ước cho 1 việc đang xảy ra ở hiện tại, ta dùng thì quá khứ tiếp diễn **(was/were + V-ing)** với động từ trong mệnh đề sau Wish.

- She **wishes** she **were** a billionaire.

(*Cô ấy ước rằng cô ấy là một tỷ phú -> Thực tế hiện tại cô ấy không phải là một tỷ phú.)*

- He **wishes** he **wasn't working** in this company <u>at present.</u>

(*Tôi ước rằng hiện tại tôi không làm việc cho công ty này.*)

VIII. Passive voice: Impersonal passive.

People/they +think/say/suppose/believe/consider/report. . . . . + that + clause.

=> Bị động:

a/ It's + thought/said/supposed/believed/considered/reported. . . +that + clause

E. g. People say that he is a good doctor. => It's said that he is a good doctor.

E. g. People think he stole my car. => It's thought that he stole my car.

IX. Making suggestions:

S1 + suggest (that) + S2 + (should) + V2 (bare-inf)

S1 + suggest + V-ing.

B. VOCABULARY: From unit 1 to unit 5

C. SKILLS:

I. Reading: Đọc hiểu một số đoạn văn về nghề thủ công và các làng nghề truyền thống, cuộc sống thành thị, sự căng thẳng và áp lực của thanh thiếu niên, các kỳ quan của Việt Nam, Việt Nam: Ngày ấy – bây giờ, và làm các dạng bài tập đọc hiểu sau:

+ Choose a word to fill in each blank
+ Choose the correct answer

II. Writing: Viết lại câu bắt đầu bằng từ cho sẵn và viết câu hoàn chỉnh dựa vào các từ cho sẵn.

<u>PHẦN II - BÀI TẬP ÔN TẬP</u>

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently.

1. A. metropolitan	B. polluted	C. forbidden	D. affordable
2. A. feature	B. culture	C. tradition	D. statue
3. A. adolescence	B. artisan	C. lacquer	D. astounding
4. A. wandered	B. embroidered	C. preserved	D. embarrassed
5. A. significant	B. practice	C. occasion	D. publicise

II. Choose the word whose main stress is placed differently from that of the other.

1. A. structure	B. rickshaw	C. landscape	D. preserve
2. A. attraction	B. artefact	C. lacquerware	D. handkerchief
3. A. delighted	B. boundary	C. cognitive	D. fabulous
4. A. astounding	B. emperor	C. defensive	D. description
5. A. facility	B. illiterate	C. generation	D. behaviour

III. Choose the best answer

1. All the best theatres and restaurants are _____ within a few minutes' walk of each other.

A. laid B. situated C. seated D. stood

2. Does he tell you how he is getting _____ his new colleague?

A. on with B. on of C. away with D. out of

3. You don't have to go to a supermarket for that. Just wait for a street _____ to go past, and buy it.

A. person B. vendor C. supplier D. purchaser

4. Would you like to live in a modern house or a(n) _____ cottage?

A. picturesque B. awful C. terrible D. bad

5. It’s _____ that the rate of crime will go down soon.

A. expectation B. expected C. hope D. claim

6. She wishes she _____ a palace now.

A. owns B. is owning C. owned D. would own

7. My parents sometimes don’t understand me. I wish they were in my _____.

A. shoes B. sleeves C. hands D. boots

8. Production methods in the village are normally _____ from ancestors to the younger generations.

A. passed away B. passed out C. passed up D. passed down

9. The new sports _____ has six tennis courts.

A. complex B. match C. medium D. game

10. The _____ between generations seem to be bigger and bigger than ever.

A. blank B. space C. gap D. distance

11. Your computer will be even worse _____ you send for a computer technician.

A. is B. unless C. due to D. that

12. I love it when we go to see plays, and try to _____ when we get back home.

A. play B. role-play C. act them out D. act

13. It is hard for people of different _____ to get along in an extended family.

A. generations B. genders C. blood D. families

14. When I was a child, I _____ fishing with my father on Sunday mornings.

A. went B. had gone C. used to go D. was used to going

15. We live in a(n) _____ with only my parents and me.

A. nuclear family extended family C. family nuclear D. family extended

16. It's said that Edinburgh _____ the most historic city in Great Britain.

A. are B. to be C. be D. is

17. Many scientists suggest that the government _____ strict laws to control deforestation.

A. applied B. applying C. should apply D. applies

18. The government suggests _____ by bus to reduce the environmental pollution.

A. travel B. travelling C. travelled D. to travel

19. When did your grandparents set _____ this workshop.

A. up B. off C. out D. in

20. "He had to work 12 hours every day." - " _____"

A. Sure. B. I wish I could go back to that time.

C. How cool! D. I can't imagine that

IV . Write the correct form of word in the capital

1. One of the _____ in my hometown is the traditional market, which is open every Sunday. (attract)
2. This is a very beautiful piece of _____ . (embroider)
3. _____ is one of the biggest problems in this city. (employ)
4. Photography is strictly _____ in this museum. (forbid)
5. Do you know what is the most _____ town in this region? (population)
6. I feel so_____ because I can't run as fast as my friends. (embarrass)
7. _____ can help you succeed in many fields. (confident)
8. Find out more about the job so that you can make an ……. choice. (inform)

V. Write the correct form of the verbs in the brackets.

1. My close friend (just/move) …… to a nearby town.
2. Last week, we (have) …… a memorable trip to a new zoo on the outskirts of the city
3. (you/ever/be)…… to any craft villages?

4. I (take) …… you to Paddington Market later if you like.
5. I have no idea where (get) …… this information.
6. The artisan made this statue by (pour) …… hot liquid bronze into a mould.
7. Duong (sleep) …… very well last night.
8. She (do) …… her shopping in the neighbouring shops every weekend.

VI. Circle A, B, C or D before the word which best fits each blank to complete the passage

Trang An is a famous tourist complex located in Ninh Binh province in the north of Vietnam. It has been a UNESCO World Heritage site (1) _____ 23 June 2014. Among the diverse ecosystems, forests and (2) _____ mountains connected with the history of the ancient capital of Hoa Lu, Trang An Grottoes are Vietnam's most spectacular sights. The scenery here is just (3) _____. Trang An Grottoes are a gathering of 31 valleys, 50 caves, and home to 600 kinds of flora and over 200 kinds of fauna, many of which are in the Red Book of Vietnam. While rowing through Trang An grottoes in the quiet, fresh air of the highlands, with only the sound of birds and oars stirring the clear water, you will (4) _____ that you are in a paradise on earth. (5) _____, many foreign tourists say that Trang An is truly a great wonder of Vietnam.

1. A. since	B. on	C. in	D. for
2. A. clay	B. limestone	C. marble	D. cement
3. A. unreal	B. artificial	C. incredible	D. untrue
4. A. see	B. know	C. consider	D. feel
5. A. However	B. Therefore	C. Nevertheless	D. Because

VII. Read the passage and choose the correct answer to each question.

In the past, traveling was nothing less than a dangerous adventure. People had no means of transport as they have now. They faced all sorts of danger such as bad weather, wild beasts and robbers. Therefore, most people did not like to go away from their villages. Only those who were adventurous set out on a long journey.

When man succeeded in training the four-foot animals like the horse and the camel, traveling became fairly comfortable. A trip across country was still a dangerous undertaking. In those days, it was also very difficult to transport goods from one place to another. Man carried his load on his head or back. Later, horses and other animals were used for this purpose. But man and animals could not carry very heavy loads from one place to another.

Now people living in any part of a country can travel to any other part in comfort. Every country sets up a railway network. A small sum of money is required to go from one corner of the country to another. If your business is more urgent, you can travel by airplane. A plane will need only a couple of days to fly around the whole world. Traveling by sea has also become ***swifter,*** more comfortable and secure than before.

Question 1: In the past, who set out on a long journey?

A. Robbers on the roads B. Most people in the village

C. Those who traveled on foot D. Those who were adventurous

Question 2: With the help of horses and camels as means of transport, _____.

A. man and animals were still not able to carry very heavy loads from one place to another

B. animals were able to carry very heavy loads from one place to another

C. animals carried everything for man

D. man carried his heavy loads on his head or back

Question 3: According to the passage, what is TRUE about traveling now?

A. People can fly around the world in a couple of days.

B. Traveling by train is possible only in certain countries.

C. People have to pay a large sum of money to go by train from one part of the country to another.

D. Traveling by sea is more comfortable but still unsafe.

Question 4: The word *"swifter"* in the passage is closest in meaning to _____.

A. cheaper B. quicker C. safer D. longer

Question 5: What is the best title of the passage?

A. Traveling in the Past and Now B. Traveling in the Past

C. Traveling Now D. Traveling by Airplane

WRITING

I. Finish the second sentence in such a way that its meaning is similar to that of the original one.

1. This hand-embroidered picture was expensive, but we bought it.

→ Even though_____

2 Nam asked, "Where do you put my comic books, mom?"

→ Nam_____

3. It's a pity that the flight will be delayed for 2 hours.

→ I wish _____ _____

4. We expect the professor to arrive this morning.

→ It is expected_____

5. She doesn't speak English so fluently as her sister.

→ She speaks less _____

II. Complete each of the sentence using the suggested words/ phrases.

1. Mai/ wish/ can/ visit/ Uncle Ho's Mausoleum/ someday.

→_____

2. He/ use/ be/ take/ school/ by/ mother.

→_____

3. We/ delighted/ we /get/ letter/ Tim/ yesterday.

→_____

4. My teacher /suggest/all students/ finish/ homework /before class.

→_____

5. Mai/ want to know/ how/ avoid/ anxiety and depression/ before/ exam.

→_____

C.MÔN LỊCH SỬ

I- CÁC KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NHỚ:

1. Liên Xô và các nước Đông Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai.
2. Các nước Á, Phi, Mĩ La tinh từ năm 1945 đến nay.
3. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay.
4. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay.
5. Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật từ năm 1945 đến nay.
6. Phong trào cách mạng Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1919 – 1925)

II- CÂU HỎI LUYỆN TẬP:

Câu 1. Nêu ý nghĩa của cách mạng khoa học kĩ thuật. Các thành tựu khoa học kĩ thuật đã tác động như thế nào đối với đời sống con người? Việt Nam chúng ta cần làm gì để hạn chế các tác động tiêu cực của cách mạng khoa học kĩ thuật?

GỢI Ý

*** Ý nghĩa của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật**:

- Là cột mốc chói lọi trong lịch sử tiến hóa văn minh loài người
- Tạo ra những biến đổi to lớn, thay đổi kì diệu trong đời sống con người.

*** Tác động tích cực:**

- Tạo ra những bước nhảy vọt phi thường chưa từng có trong sản xuất, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người.
- Tạo ra những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư lao động trong các ngành kinh tế.

*** Tác động tiêu cực:**

- Nhiều loại vũ khí và phương tiện quân sự hiện đại có sức tàn phá và hủy diệt cuộc sống.
- Nạn ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng
- Nhiễm phóng xạ nguyên tử, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, dịch bệnh đe dọa sức khỏe, tính mạng con người

- Những đe dọa về đạo đức xã hội và an ninh đối với con người.

*** Nhiệm vụ của Việt Nam:**

- Sử dụng những nguồn năng lượng sạch (năng lượng mặt trời, nguyên tử), cắt giảm lượng rác thải, khí thải...
- Tích cực trồng cây xanh, lập *"vành đai xanh"* bảo vệ môi trường.
- Tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường đến mọi người dân ở mọi quốc gia.
- Ứng dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật vào những mục đích tích cực

Câu 2. Trình bày xu thế phát triển chung của thế giới ngày nay. Xu thế đó đã tạo ra những thời cơ và thách thức gì cho các dân tộc? Nhiệm vụ của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là gì?

GỢI Ý

*** Xu thế phát triển chung của thế giới ngày nay:** Hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển kinh tế.

*** Thời cơ:**

- Được mở rộng giao lưu, hợp tác với các nước
- Được hợp tác, học hỏi kinh nghiệm của các nước đi trước.
- Có điều kiện ứng dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật
- Có thêm cơ hội rút ngắn khoảng cách với các nước.

*** Thách thức:**

- Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn
- Sản xuất trong nước không phát triển sẽ bị thị trường nước ngoài lấn át.
- Hội nhập không giữ vững bản sắc dân tộc sẽ rơi vào tình trạng "hòa tan".

*** Nhiệm vụ của Việt Nam:**

- Tăng cường mở rộng giao lưu, hợp tác để học hỏi kinh nghiệm các nước.
- Đầu tư cho khoa học kĩ thuật
- Phát triển sản xuất trong nước, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước.
- Phát triển giáo dục, đào tạo đội ngũ lao động có tri thức, tay nghề, đạo đức nghề nghiệp, có chính sách khuyến khích nhân tài.

Câu 3. Nêu khái niệm, biểu hiện và hậu quả của chiến tranh lạnh.

GỢI Ý

*** Chiến tranh lạnh** là chính sách thù địch về mọi mặt của Mĩ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

*** Biểu hiện của chiến tranh lạnh:**

- Ráo riết chạy đua vũ trang.
- Tăng cường ngân sách quân sự.
- Thành lập các khối quân sự cùng các căn cứ quân sự bao quanh Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- Tiến hành nhiều cuộc chiến tranh đàn áp cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc.

*** Hậu quả của chiến tranh lạnh:**

- Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng.
- Các quốc gia chi một khối lượng tiền khổng lồ và sức người để sản xuất các loại vũ khí hủy diệt, xây dựng hàng nghìn căn cứ quân sự.

D. MÔN ĐỊA LÍ

Câu 1. Trình bày vị trí địa lí của vùng miền núi và trung du Bắc Bộ. Vị trí này có ý nghĩa như thế nào trong việc phát triển kinh tế, chính trị, xó hội nước ta?

Câu 2. Nờu những thuận lợi và khó khăn về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung Bộ ?

Câu 3. Nhờ những điều kiện thuận lợi gỡ mà Trung du và miền nỳi Bắc Bộ trở thành vựng trồng chố lớn nhất nước ta?

Câu 4. Cho bảng số liệu

Tốc độ tăng dân số - sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở đồng bằng sông Hồng (Năm 1995 = 100%). Đơn vị %

Năm / Tiêu chí	1995	1998	2000	2002
Dân số	100	103,5	105,6	108,2
Sản lượng lương thực	100	117,7	128,6	131,1
Bình quân lương thực theo đầu người	100	113,8	121,8	121,2

Nhận xét và giải thích sự thay đổi của dân số - sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở đồng bằng sông Hồng qua các thời kỳ trên ?

Câu 5. Cho bảng số liệu sau:

NĂNG SUẤT LÚA CẢ NĂM CỦA CẢ NƯỚC, ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tạ/ha)

Năm	Cả nước	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông cửu Long
1995	36,9	44,4	40,2
2000	42,4	55,2	42,3
2010	53,4	59,2	54,7

a, Từ bảng số liệu trên hãy rút ra nhận xét về năng xuất lúa của vùng đồng bằng sông Hồng so với cả nước và vùng ĐB sông cửu Long?

b. Một trong những nguyên nhân khiến đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao là do được sông Hồng bồi đắp. Em hãy cho biết ý nghĩa của sông Hồng đối với sự phát triển đời sống và dân cư. Qua đó, em hãy đưa ra một số biện pháp khắc phục hạn chế của sông Hồng.

Câu 6. Luyện tập kĩ các kiến thức của vựng:

- Trung du - miền núi Bắc Bộ.
- Đồng bằng sông Hồng.
- Bắc Trung Bộ.

Đ.MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. Trắc nghiệm: HS nhận biết được:

- Thế nào là năng động, sáng tạo; làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả; ý nghĩa của năng động, sáng tạo; làm việc có năng suất chất lượng, hiệu quả.
- Phân biệt được các biểu hiện của năng động, sáng tạo; làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.
- Thế nào là kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; nắm được ý nghĩa của kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
- Phân biệt được các biểu hiện của kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

II. Tự luận:

Câu 1: Vì sao nói: "Kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc là yếu tố quan trọng trên con đường phát triển, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước"?

Câu 2:

a/ Thế nào là năng động, sáng tạo?

b/ Vì sao cần phải năng động, sáng tạo? Lấy ví dụ minh hoạ?

Câu 3: Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là gì? Em hãy kể một vài truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam mà em biết?

Em tán thành hay không tán thành với ý kiến sau: *"Việc tiếp xúc, giao lưu với truyền thống của các dân tộc khác sẽ làm mai một truyền thống của dân tộc Việt Nam"*. Vì sao?

GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1:

- Khái niệm: Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là những giá trị tinh thần (những tư tưởng, đức tính, lối sống, cách ứng xử tốt đẹp,…) hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Nói kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc là yếu tố vô cùng quan trọng trên con đường phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đất nước vì:

+ Mỗi dân tộc muốn phát triển phải có sự giao lưu với các dân tộc khác, với các nền văn hóa khác.

+ Trong quá trình giao lưu đó, dân tộc nào cũng tiếp thu được tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác nhưng vẫn giữ nguyên được bản sắc riêng của mình.

+ Nếu không biết giữ gìn, phát huy truyền thống đó, mỗi dân tộc có thể sẽ đánh mất bản sắc riêng của mình và bị đồng hóa bởi các dân tộc khác .

+ Hiện nay, trong điều kiện xã hội đang đổi mới, mở cửa giao lưu rộng rãi với các nước, nếu chúng ta không chú ý giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc, chạy theo những cái mới lạ, coi thường và xa rời những giá trị văn hóa tốt đẹp bao đời nay, chúng ta có nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc Việt Nam.

Câu 2 :

*** Khái niệm:**

- Năng động là tích cực, chủ động, dám nghĩ, dám làm.
- Sáng tạo: là say mê nghiên cứu, tìm tòi để tạo ra những giá trị mới mẻ về vật chất, tinh thần hoặc tìm ra cái mới, cách giải quyết mới không bị gò bó phụ thuộc vào những cái đã có.

*** Vì sao phải năng động, sáng tạo?**

- Là phẩm chất rất cần thiết của người lao động trong xã hội hiện đại. Nó giúp con người có thể vượt qua những ràng buộc của hoàn cảnh, rút ngắn thời gian để đạt được mục đích đã đề ra một cách nhanh chóng và tốt đẹp.
- Nhờ năng động sáng tạo mà con người làm nên những kỳ tích vẻ vang mang lại niềm vinh dự cho bản thân, gia đình và đất nước.
- Lấy được ví dụ và phân tích đúng.

Câu 3:

- Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là những giá trị tinh thần, hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Dân tộc Việt Nam có những truyền thống tốt đẹp như: yêu nước, cần cù lao động, nhân nghĩa, hiếu thảo, tôn sư trọng đạo,....
- Không tán thành. Vì: việc tiếp xúc, giao lưu với các truyền thống của các dân tộc không làm mai một mà còn làm giàu thêm truyền thống của dân tộc, nếu mình tiếp thu có chọn lọc.

E.MÔN ÂM NHẠC

1. Ôn tập bài hát:

+ Bóng dáng một ngôi trường - Sáng tác: Hoàng lân
+ Nụ cười - Nhạc Nga
+ Nối vòng tay lớn - Sáng tác: Trịnh Công Sơn
+ Lí kéo chài - Dân ca Nam Bộ

- Nội dung ôn tập: Học sinh học thuộc và hát đúng nhạc, đúng giai điệu, cao độ, trường độ, diễn cảm, đúng nhịp phách kết hợp với gõ đệm bài hát

2. Ôn tập Tập đọc nhạc:

+ Tập đọc nhạc số 1 “Cây sáo”.
+ Tập đọc nhạc số 2 “Nghệ sĩ với cây đàn”.
+ Tập đọc nhạc số 3 “Lá xanh”.
+ Tập đọc nhạc số 4 “Cánh én tuổi thơ”.

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi

*** Nội dung ôn tập:** Học sinh đọc đúng giai điệu, cao độ, trường độ, đúng nhịp phách và thuộc lời ca các bài TĐN số 1, 2, 3, 4 kết hợp với gõ đệm.

----------HẾT----------